



Đề cương bài giảng môn học.

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

ThS. Lê Văn Thông

Email: lvthong@vnuhcm.edu.vn

Điện thoại: 0938.07.5555

Chương 2:

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG



1. Lý luận của Karl Marx về sản xuất hàng hóa và hàng hóa.
2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2

1. Giáo trình: “**Kinh tế chính trị Mác – Lênin**”, Tài liệu tập huấn 2019.
2. Adam Smith: “**Của cải của các quốc gia**”, NXB Giáo dục, 1997
3. Jared Diamond: “**Súng, vi trùng và thép**”, NXB Thế giới, 2018.
4. Liaquat Ahamed: “**Những ông trùm tài chính**”, Nhà Xuất bản Thế giới, 2018
5. Karl Marx: “**Tư Bản**” , **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 1** – NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va, NXB Sự Thật – 1984
6. Yuval Noah Harari: “**Lược sử loài người**”, NXB Tri thức, 2017.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN NẮM KHI KẾT THÚC

CHƯƠNG 2

1. **Tại sao nghiên cứu phương thức SX TBCN Karl Marx bắt đầu từ sản xuất hàng hóa?**
2. Tại sao hàng hóa phải là sản phẩm của lao động? So sánh giữa hàng hóa và sản phẩm
3. **Giá trị là gì?**
4. Hai thuộc tính của hàng hóa, mối quan hệ giữa 2 thuộc tính hàng hóa với tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.
5. Chất và lượng của giá trị hàng hóa? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?
6. **Mối quan hệ giữa giá trị hàng hóa – giá trị trao đổi – giá cả - Tiền tệ**
7. Thế nào là kinh tế thị trường? Các quy luật của cơ bản của kinh tế thị trường.
8. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường



HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

1. Lý luận của Karl Marx về sản xuất hàng hóa và hàng hóa

1.1. Sản xuất hàng hóa.

Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội mà sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi mua bán trên thị trường.



Sản xuất hàng hóa đưa loài người thoát khỏi tình trạng mông muội, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội

❖ Sản xuất tự cấp tự túc

Là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội mà sản phẩm do lao động làm ra nhằm thỏa mãn trực tiếp nhu cầu của người sản xuất ra nó.



Sản xuất tự cấp tự túc tồn tại thời kỳ lực lượng sản xuất kém phát triển, quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Ngành sản xuất chính là săn bắn, hái lượm và nông nghiệp sản xuất nhỏ.

Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

(1): Sự phân công lao động xã hội

Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động trong xã hội thành các ngành, các lĩnh vực khác nhau.



Phân công lao động xã hội

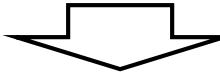
Chuyên môn hóa lao động,
dẫn đến chuyên môn hóa SX

Năng suất lao động tăng
lên

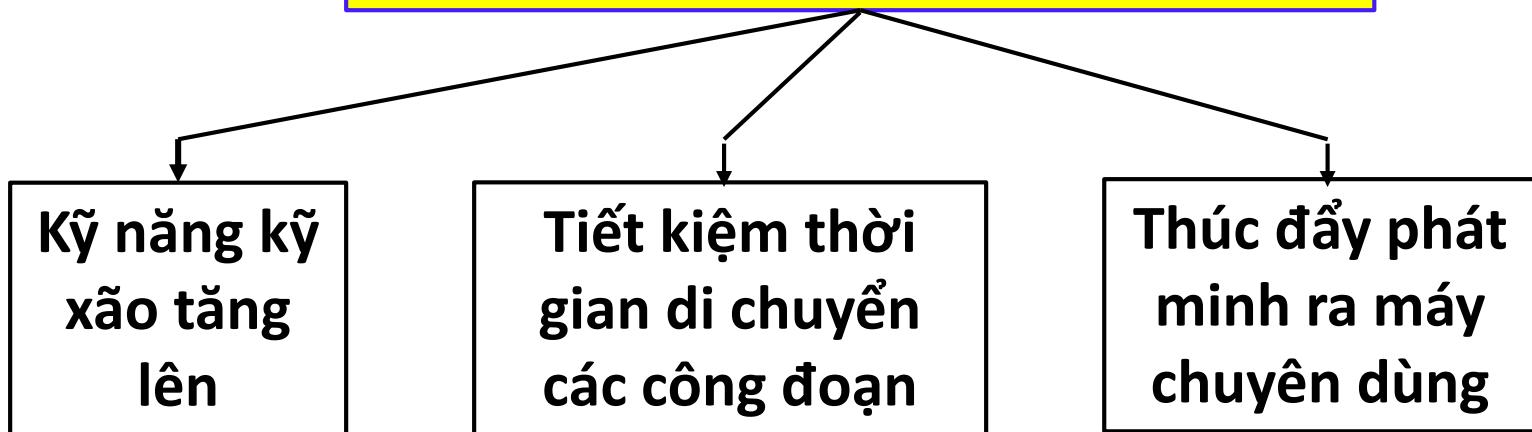
Xuất hiện tình trạng vừa thừa, vừa thiếu dẫn đến cần
có sự trao đổi, mua bán cho nhau

Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

Sự phân công lao động xã hội

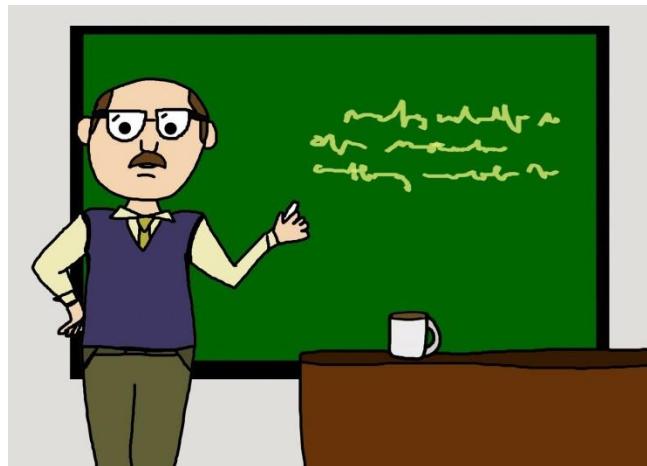
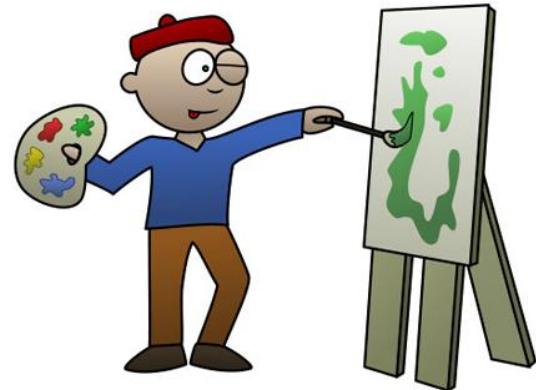


**Số lượng công việc tăng lên nhưng
số người lao động không đổi**



“Mỗi người làm ra một khối lượng lớn sản phẩm để có thể bán cho người khác, ngoài phần dùng cho cá nhân, và ai ai cũng vậy. Họ cung cấp cho những người khác mà những người này cần và ngược lại...” [2;tr40]

Phân công lao động xã hội theo chiều rộng





Phân công lao động theo chiều sâu



❖ Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

(2) **Sự xuất hiện sở hữu tư nhân dẫn đến sự độc lập về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể.**



Trong lịch sử, sự tách biệt giữa các chủ thể dựa trên sự tách biệt về mặt sở hữu.



Người này muốn tiêu dùng sản phẩm người khác phải thông qua trao đổi, mua bán.



“Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những hàng hóa” [5;tr222]

1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

1.2. Hàng hóa.

Theo Karl Marx:
hàng hóa là sản
phẩm của lao động,
có thể thỏa mãn
nhu cầu nào đó của
con người thông
qua trao đổi mua
bán.



So sánh giữa sản phẩm và hàng hóa

Sản phẩm

- (1) Do lao động làm ra
- (2) Có ích (thỏa mãn nhu cầu nào đó con người)

➤ Kết luận:

- Mọi hàng hóa đều là sản phẩm nhưng mọi sản phẩm chưa phải là hàng hóa.
- Muốn trở thành hàng hóa, sản phẩm phải được sản xuất ra không phải với tư cách là một tư liệu sinh hoạt trực tiếp cho bản thân người sản xuất [5;tr 220]

Hàng hóa

- (1) Do lao động làm ra
- (2) Có ích (thỏa mãn nhu cầu nào đó con người)
- (3) Được trao đổi, mua bán

“Trong mọi trạng thái xã hội, sản phẩm lao động đều là một vật phẩm tiêu dùng, nhưng chỉ có một thời kỳ phát triển lịch sử nhất định mới biến sản phẩm lao động thành hàng hóa” [5;85]

❖ **Hai thuộc tính của hàng hóa**



Chất

Lượng





Hai thuộc tính của hàng hóa

Loại xe: sedan 5 chỗ

Phân khúc: B

Động cơ: 2NR-FE

Dung tích: 1.5

Công suất: 107 mã lực

104Nm

Kích thước:

4425x1730x1425mm

.....



- Vios 1.5 G (CVT)
- Năm SX: 2019
- Giá: 550 tr đồng

Chất: tính có ích của hàng hóa



Giá trị sử dụng của hàng hóa

Lượng: lượng lao động hao phí để làm ra hàng hóa



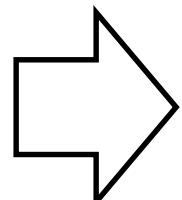
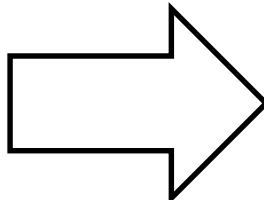
Giá trị của hàng hóa



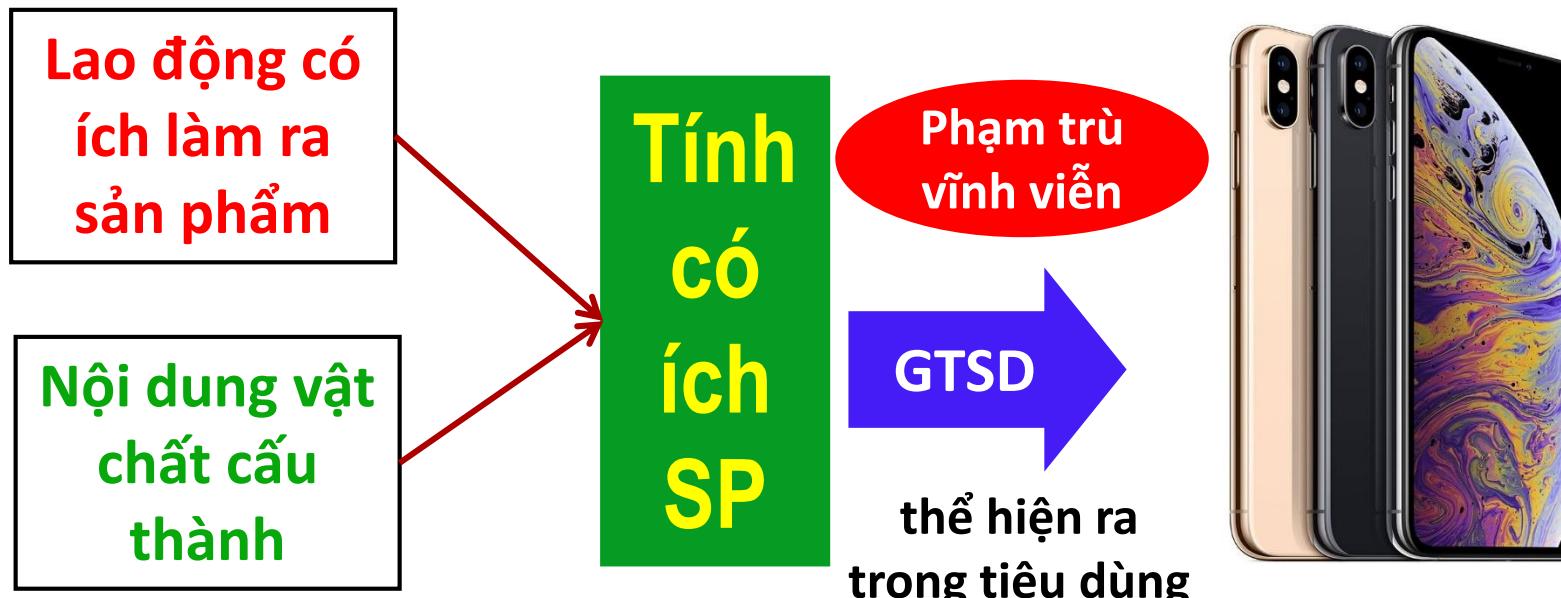
Hai thuộc tính
của hàng hóa

❖ Hai thuộc tính của hàng hóa

- **Giá trị sử dụng** của hàng hóa: là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.



- Giá trị sử dụng của hàng hóa



Thuộc tính giá trị sử dụng có thể cảm nhận từ quan sát ban đầu và được thể hiện qua trong quá trình sử dụng.

- Giá trị hàng hóa (mặt lượng)

Giá trị là khái niệm trừu tượng, người ta không biết nắm lấy nó chỗ nào. Do đó, muốn xác định giá trị phải thông qua giá trị trao đổi.

Phụ thuộc vào
quan hệ cung cầu

Phụ thuộc giá trị
hàng hóa

**Giá trị
trao đổi**

Giá trị trao đổi là
một quan về số
lượng, là một tỷ lệ
theo đó những giá
tri sử dụng loại này
được trao đổi
những giá tri sử
dụng loại khác

“Là những giá trị sử dụng, các hàng hóa khác nhau trước hết về
chất; là những giá trị trao đổi, các hàng hóa chỉ có thể khác
nhau về lượng mà thôi, do đó chúng không chứa đựng một
nguyên tử giá trị sử dụng nào cả” [5; tr55]

- Giá trị hàng hóa.

10 kg
Gạo



=



2m
Vải

Hao
phí
LĐXH
trong
8 giờ



Hao
phí
LĐXH
trong
8 giờ

10 kg gạo = 2m vải = 8 giờ lao động xã hội

**Hàng hóa không có giá trị (giá trị sử dụng) sẽ không
có giá trị trao đổi và ngược lại**

❖ Giá trị và giá cả

“Mặc dù lao động là thước đo thực tế đối với giá trị trao đổi của mọi thứ hàng hóa, nhưng giá trị của mọi hàng hóa lại không đánh giá bằng lao động. Rất khó xác định tỷ lệ giữa 2 loại lao động” [2;tr30]

Giá cả là chỉ số đại lượng giá trị hàng hóa, là chỉ số của tỷ lệ trao đổi giữa hàng hóa và tiền



- Giá cả ít khi thống nhất với giá trị mà xoay quanh giá trị theo quy luật của cung cầu

- (1) cung = cầu: giá cả = giá trị
- (2) cung > cầu: giá cả < giá trị
- (3) cung < cầu: giá cả > giá trị

❖ Giá trị hàng hóa

- Giá trị của hàng hóa là **lượng lao động xã hội** của **người sản xuất hàng hóa** “**kết tinh**” trong hàng hóa đó. Giá trị là phạm trù lịch sử.



“Có thể nói hàng hóa là một lượng lao động nhất định được cất giữ lại để sử dụng khi cần thiết vào một dịp khác” [2;tr344]

Giá trị hàng hóa

Chất

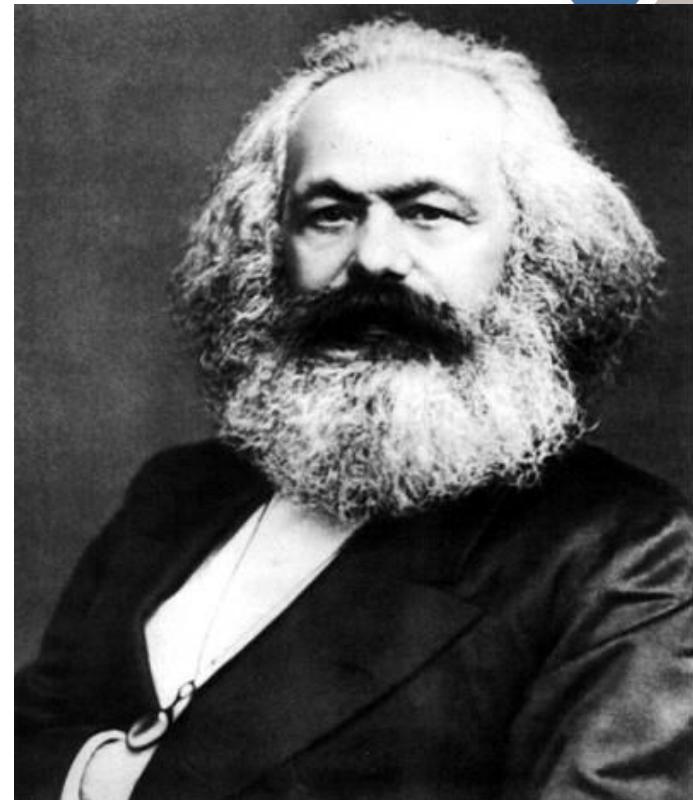
Lượng

❖ Giá trị hàng hóa



- Giá trị hàng hóa.

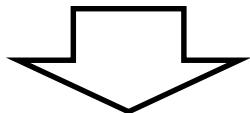
“**Sức lao động của con người ở trạng thái lỏng**, hay lao động của con người, hình thành nên giá trị, nhưng bản thân nó lại không phải giá trị. Lao động đó trở thành giá trị khi nó ở trong trạng thái đông đặc, ở dưới hình thái một vật” [5;tr72]



“Với tư cách là giá trị, tất cả hàng hóa đều chỉ là lao động của con người **kết tinh lại**” [5;tr71]

❖ GIÁ TRỊ HÀNG HÓA

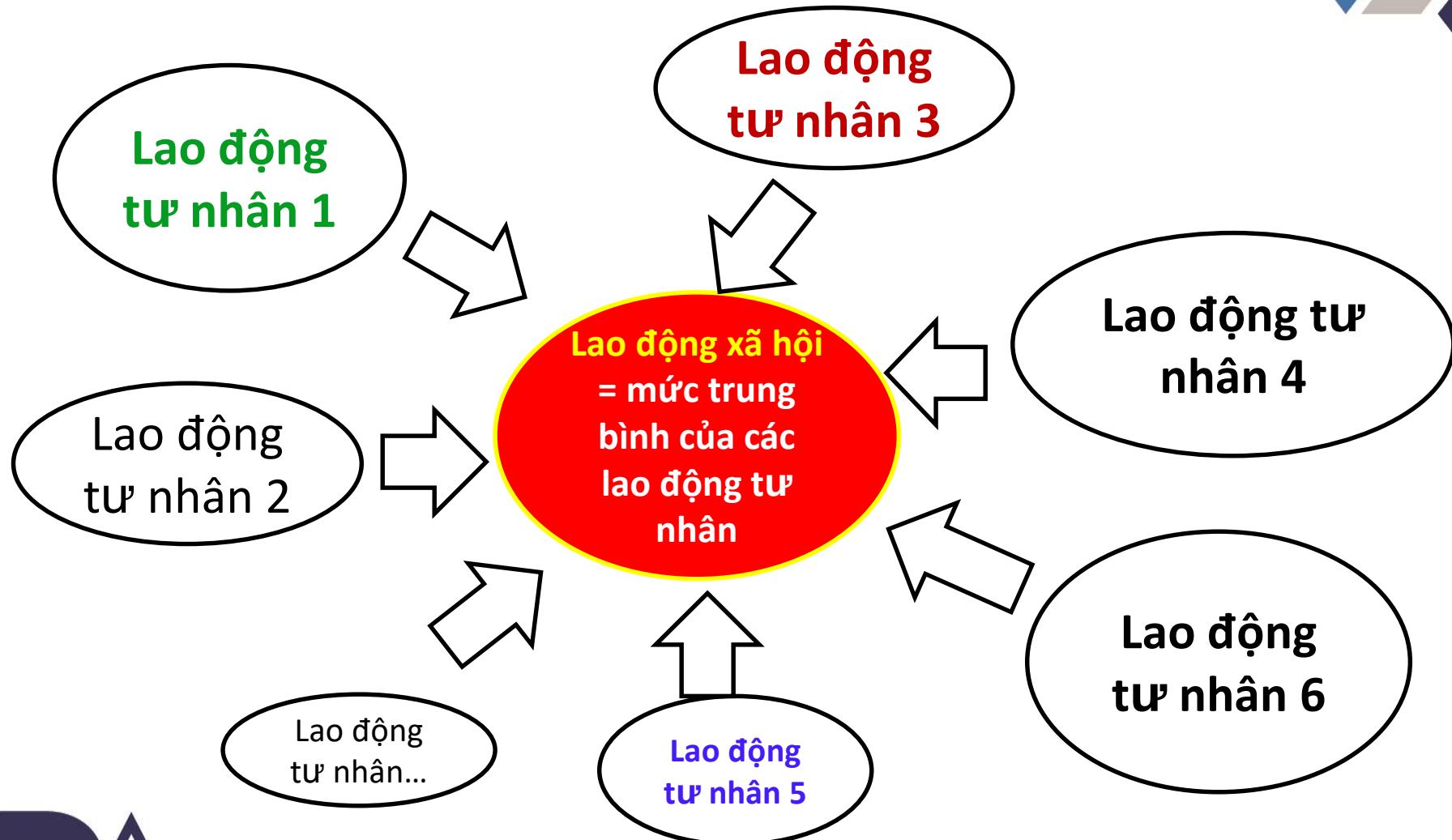
- Chất giá trị hàng hóa:
Lao động xã hội của
người làm ra hàng hóa.



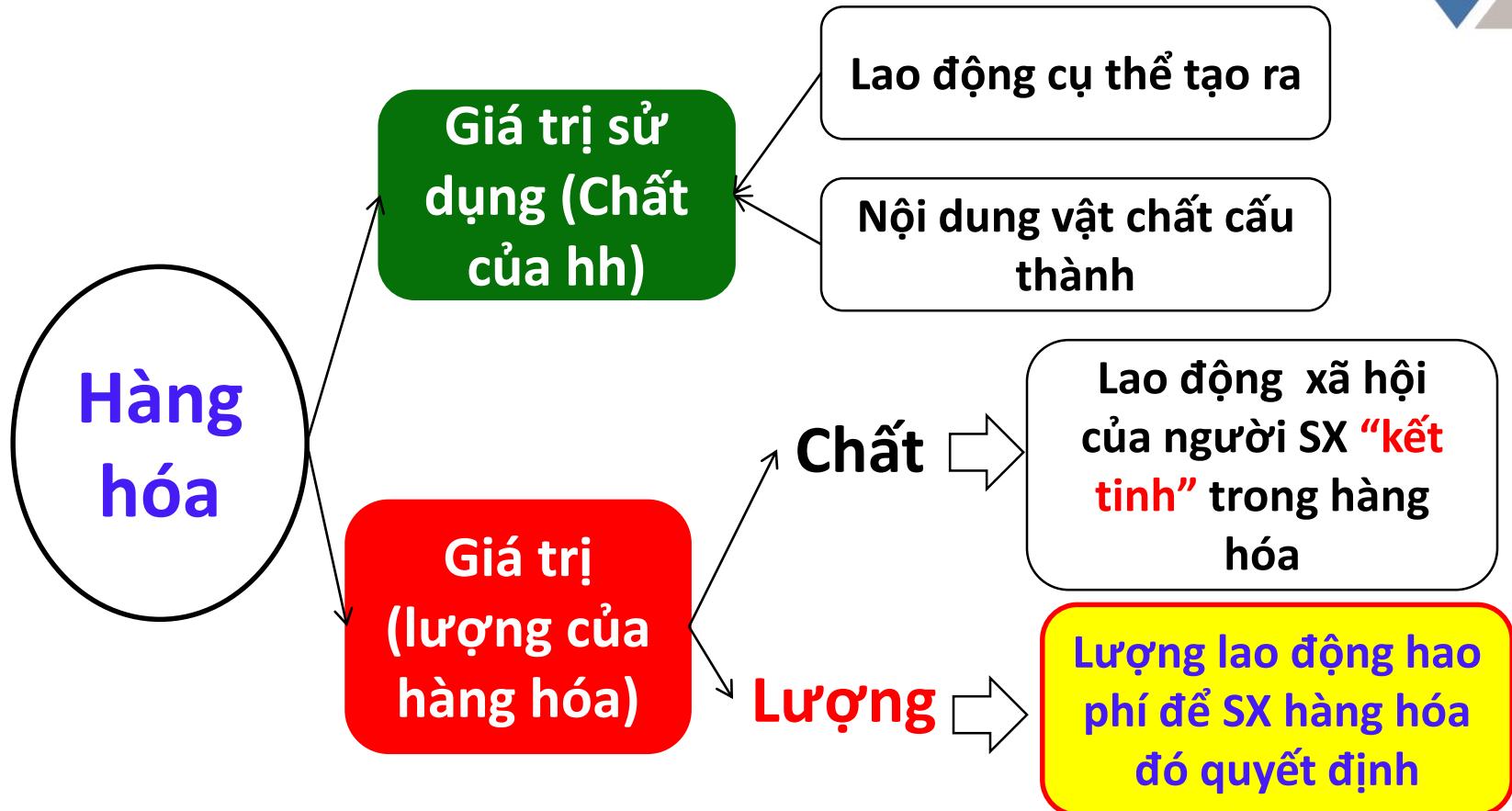
“Cần phải luôn luôn nhớ rằng sức lao động, chứ không phải một thứ hoặc một nhóm hàng hóa riêng biệt nào khác, là thước đo thực sự đối với giá trị của cả bao lìa các loại hàng hóa khác” [2;tr213]



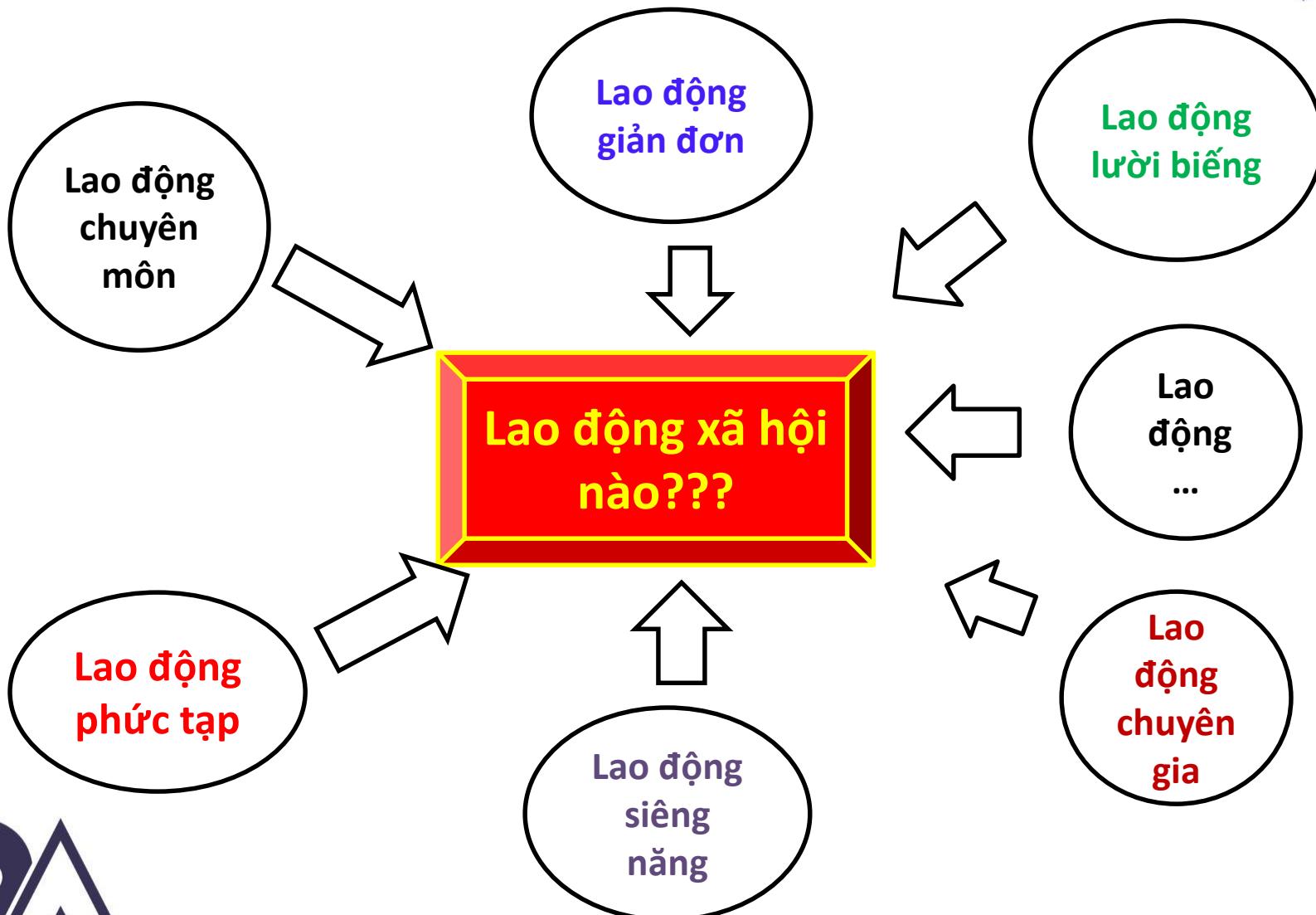
❖ Tại sao phải là lao động xã hội?



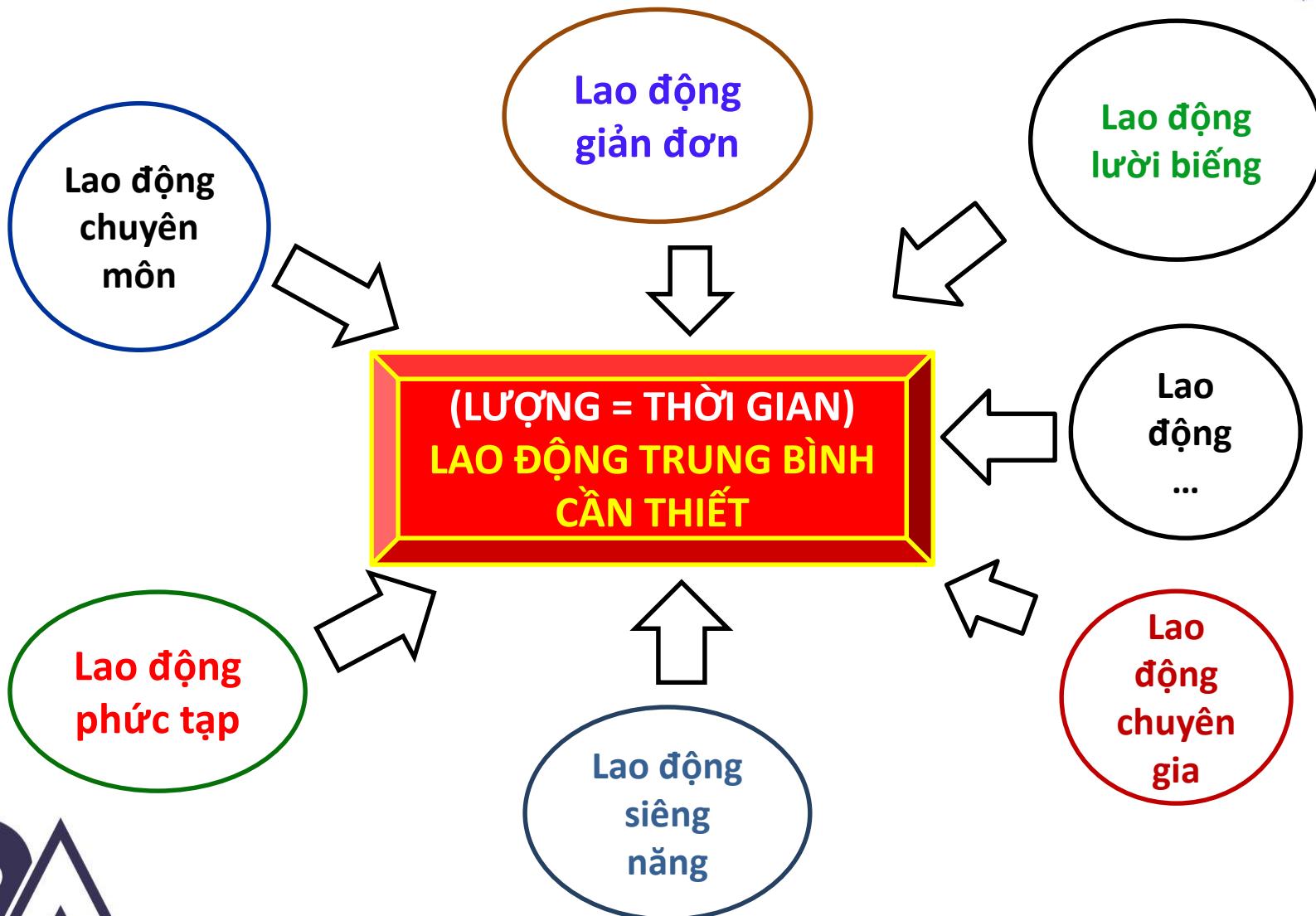
➤ Lượng giá trị hàng hóa.



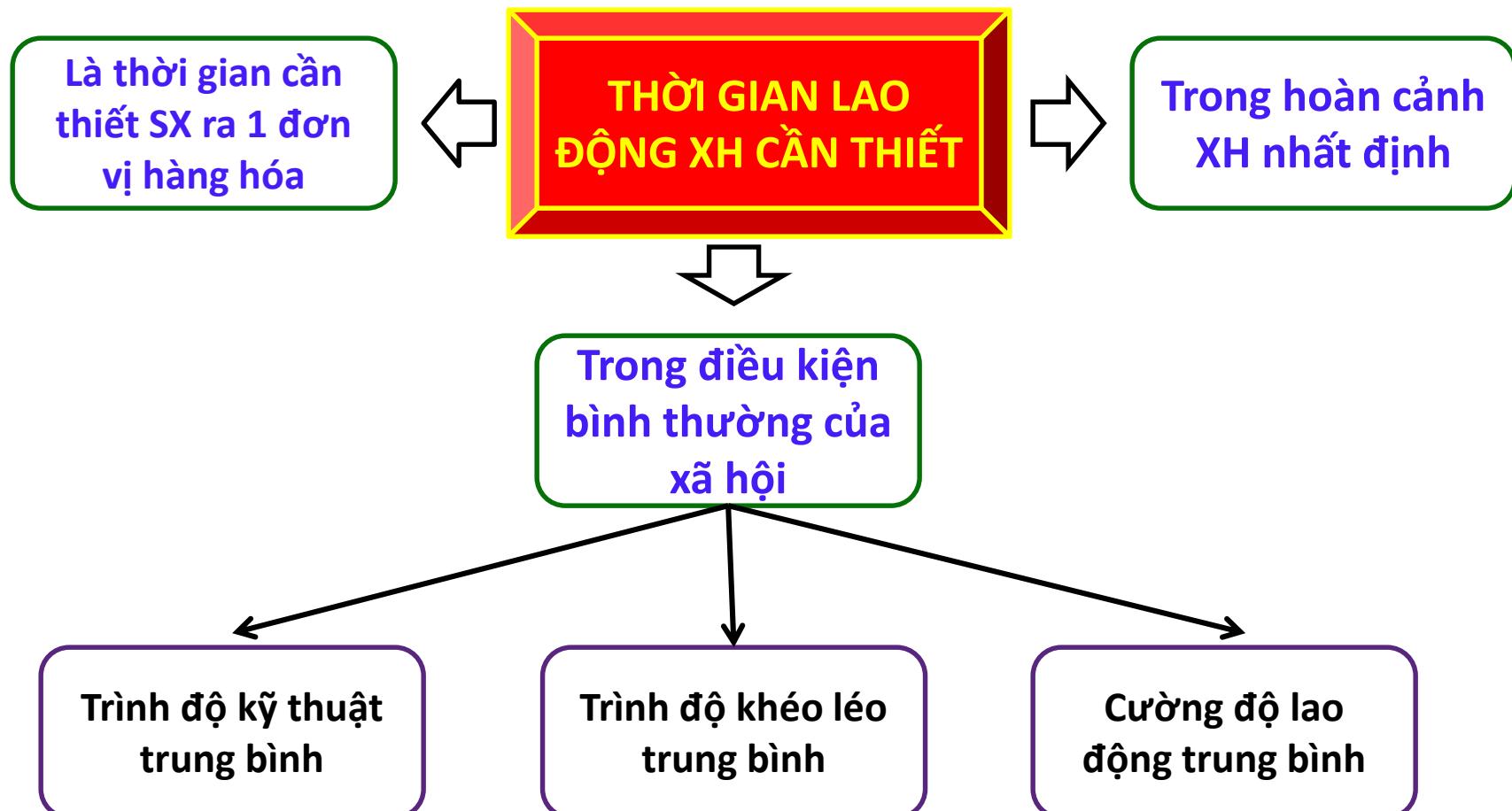
➤ Lượng giá trị hàng hóa



Thước đo của lượng giá trị hàng hóa.

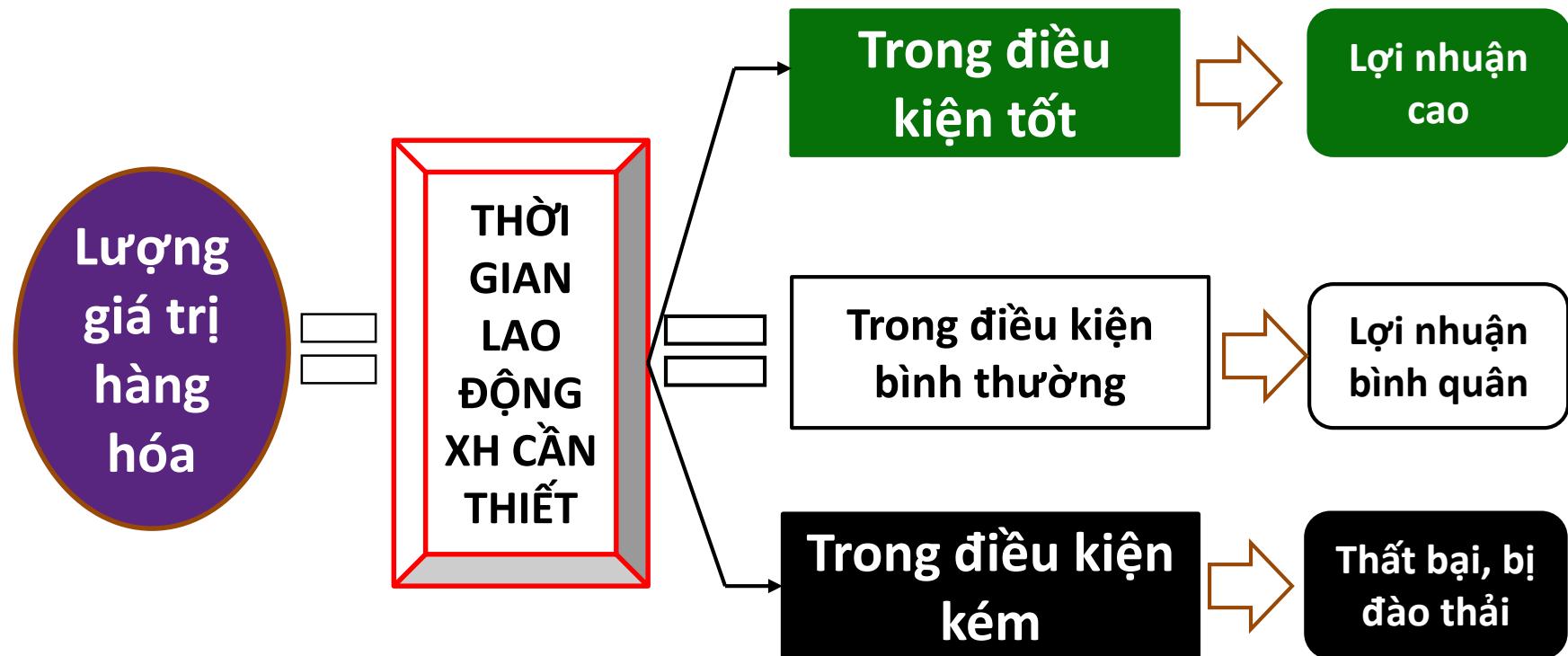


Thước đo của lượng giá trị hàng hóa.

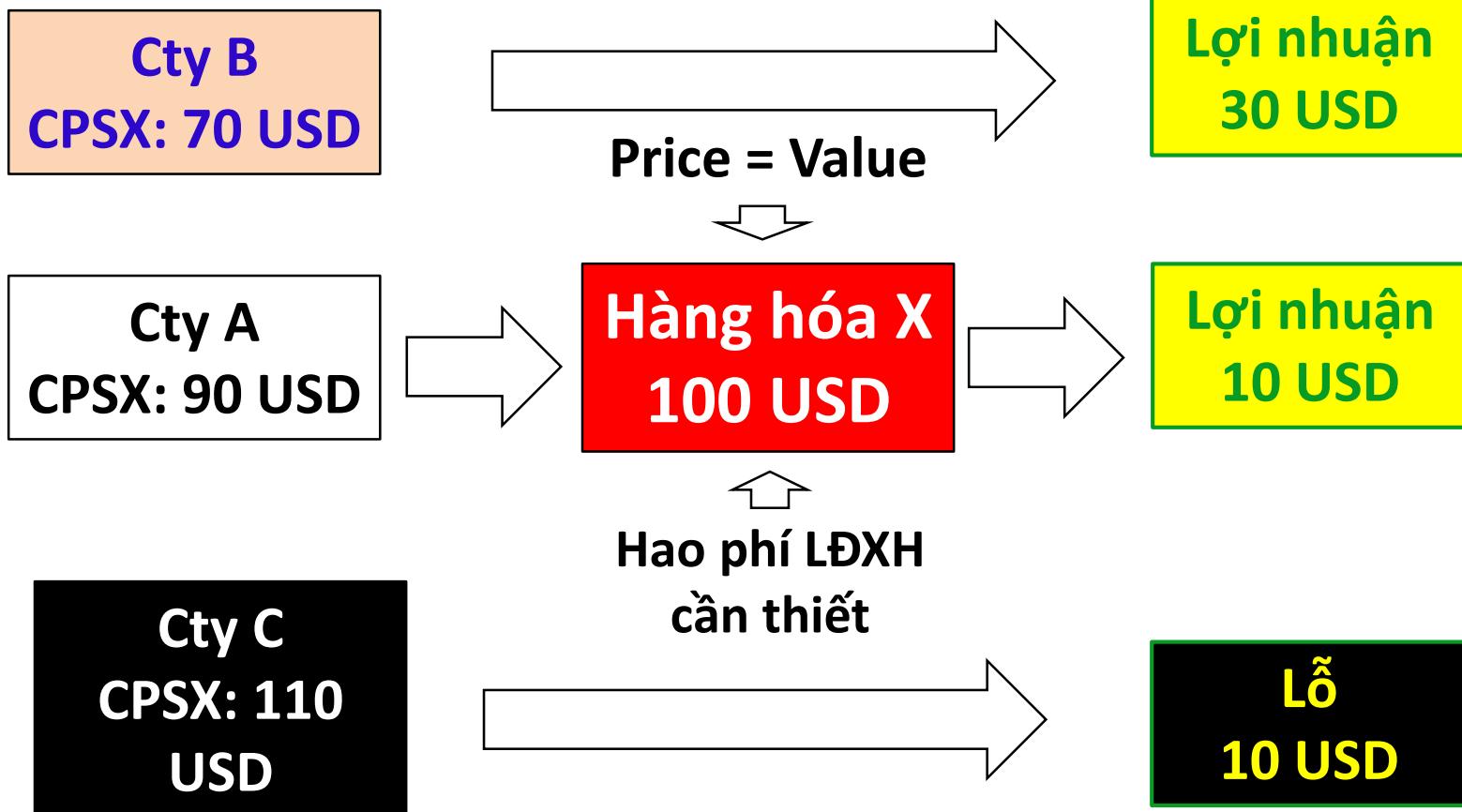


□ Thước đo của lượng giá trị hàng hóa.

“Với tư cách là những giá trị thì tất cả mọi hàng hóa đều chỉ là những lượng thời gian lao động nhất định đã kết đọng lại” [5;tr57]



❖ **GIÁ TRỊ HÀNG HÓA VÀ GIÁ TRỊ THĂNG DƯ**



**Nokia 3310
(2017)**
Giá: 1,2tr

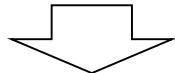


**Nokia 8250
(2003)**
Giá: 3,2tr

**Điều gì đã làm lượng giá trị của hàng hóa
thay đổi???**

➤ Giá trị và giá cả của Iphone 7 Plus 32G

- Giá tháng 09/2016: 769 USD (**18tr** đồng)
- Giá tháng 2018: **14 tr** đồng
- Giá tháng 06/2020: **8.990.000** đồng

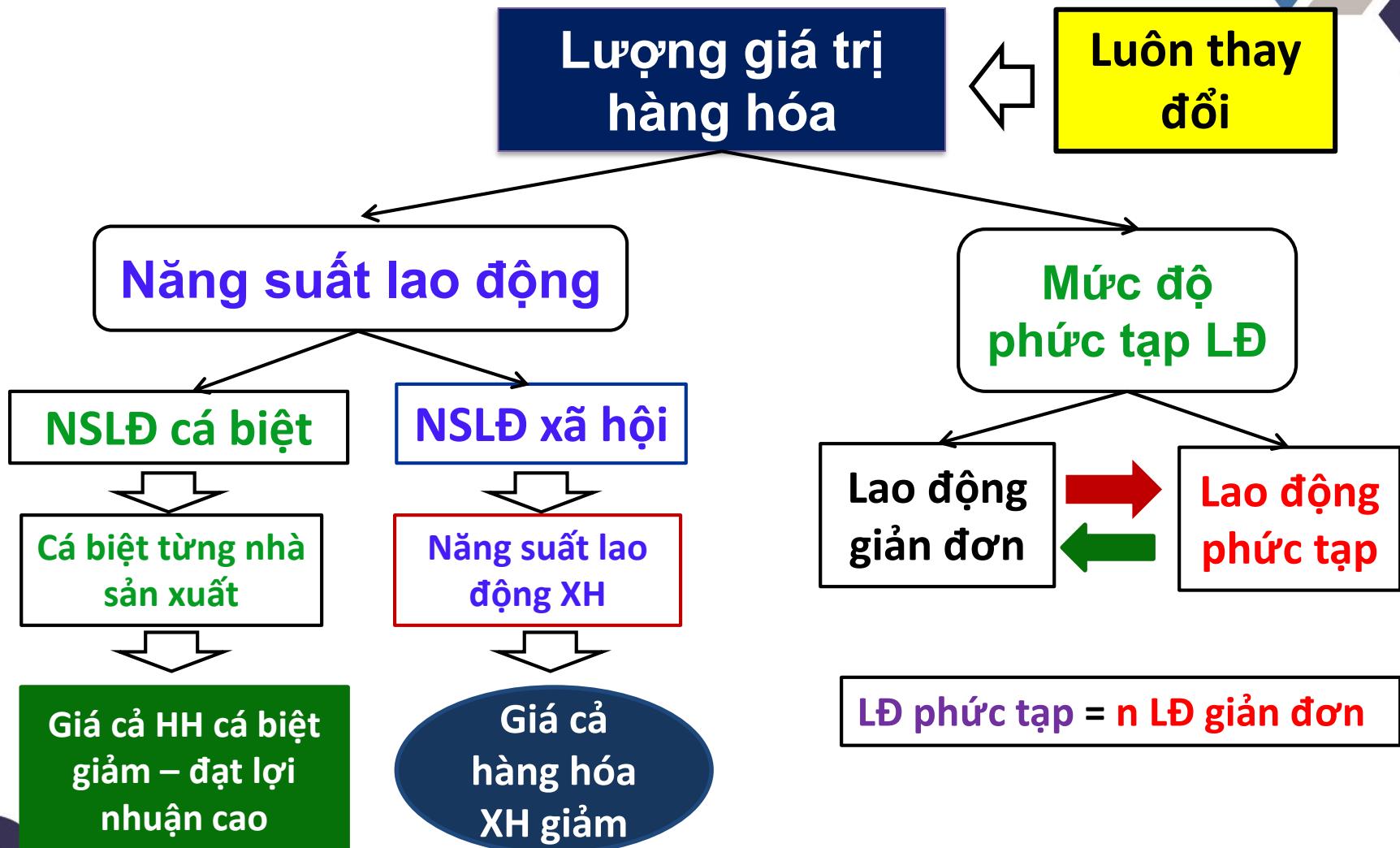


Cùng 1 hàng hóa có nhiều giá cả
khác nhau dẫn đến có nhiều giá trị
khác nhau.



**Điều gì làm cho hàng hóa có xu hướng
ngày càng rẻ hơn?**

Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa.



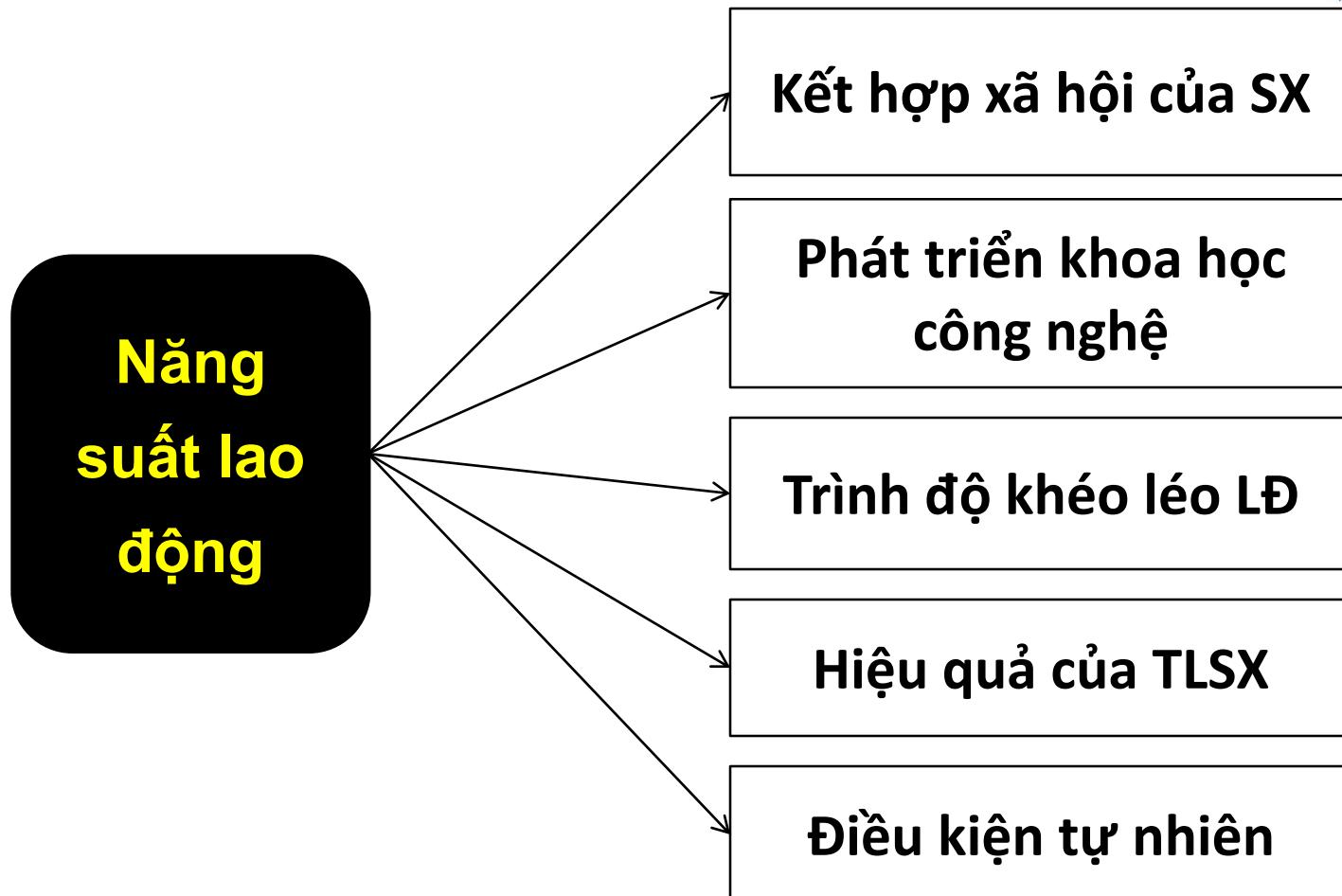
❖ Năng suất lao động

NSLĐ là năng lực sản xuất của lao động, được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm

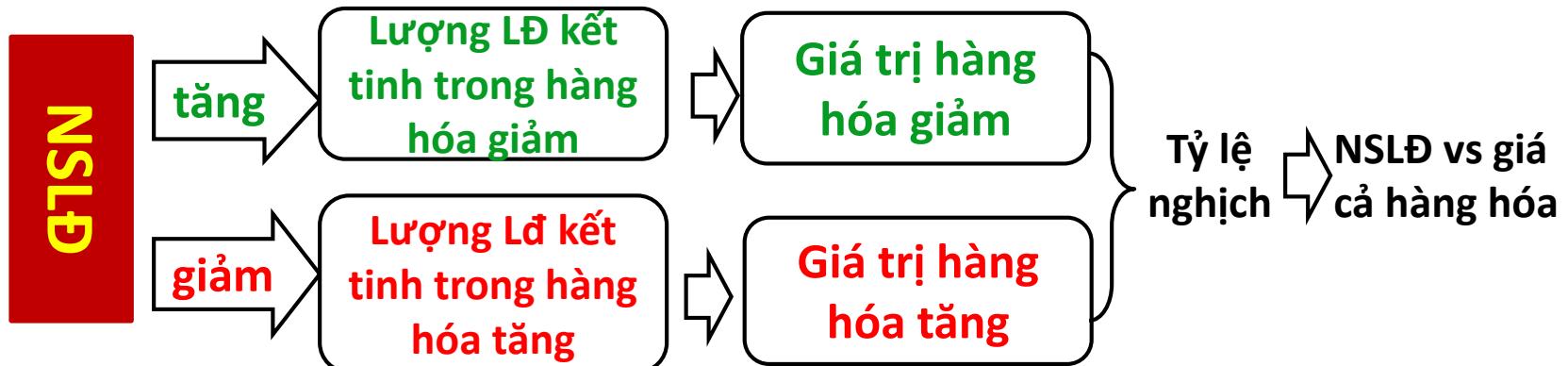


$$\text{NSLĐ xã hội} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP)}}{\text{Tổng số người làm việc bình quân}}$$

❖ Năng suất lao động



Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa.



❖ **Mối quan hệ giữa GTSD và giá trị hàng hóa**

Giá
trị sử
dụng



Giá
trị

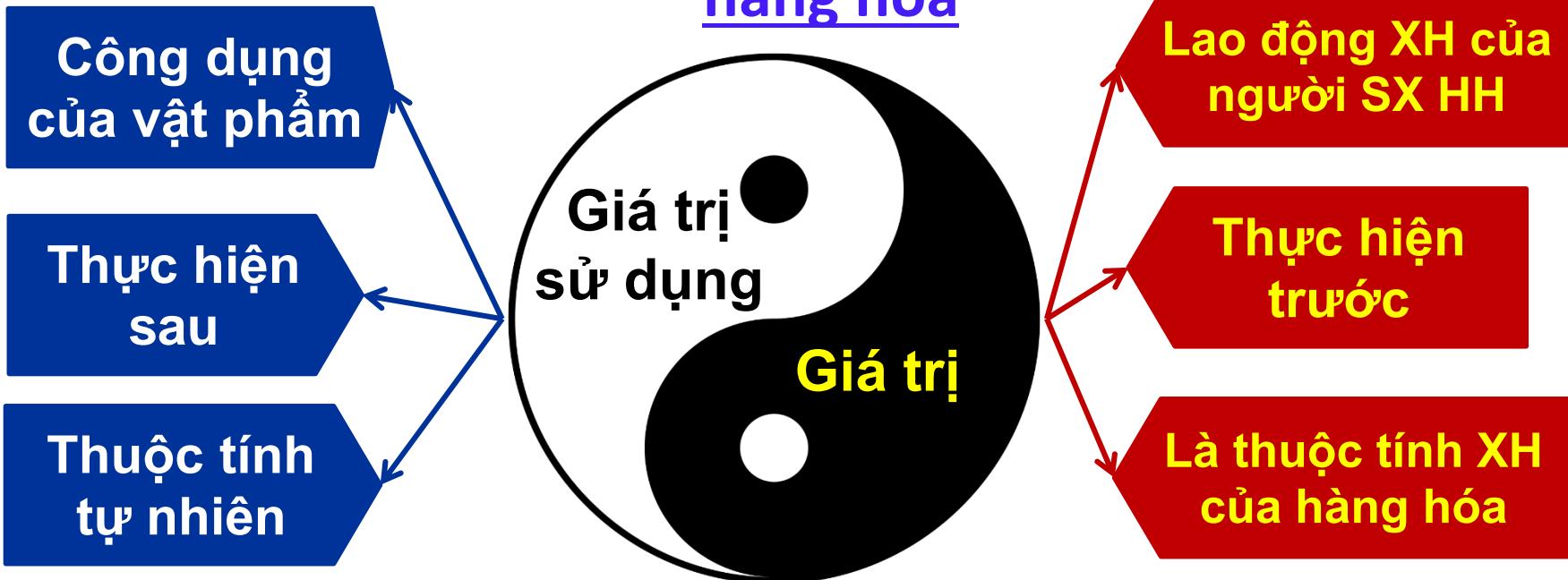
Giá
trị sử
dụng



Giá
trị



Mối quan hệ giữa GTSD và giá trị hàng hóa



- **Người tiêu dùng:** quan tâm giá trị sử dụng tốt nhất trong tầm giá (hàng hóa giá rẻ, chất lượng...)
- **Người sản xuất:** quan tâm đến giá trị (luôn đổi mới công nghệ, quản lý...để giảm giá trị hàng hóa, cải tiến chất lượng nâng cao sức cạnh tranh) nhằm thu được giá trị cao nhất.

❖ **Mối quan hệ giữa GTSD và giá trị hàng hóa**

➤ **Giá trị và giá trị sử dụng** là 2 mặt đối lập, 2 thuộc tính của hàng hóa. Bất kỳ hàng hóa nào cũng chứa đựng 2 thuộc tính này.

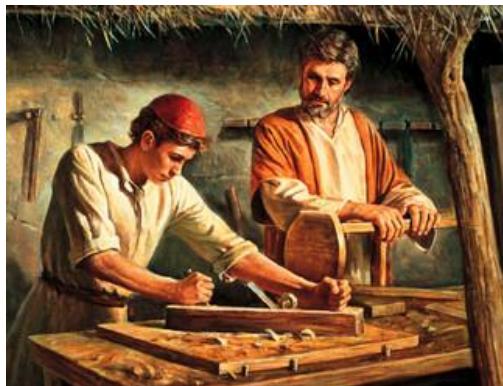
➤ Hàng hóa có giá trị sử dụng thì mới có giá trị và ngược lại. Hàng hóa có giá trị sử dụng càng cao thì có giá trị càng cao và ngược lại.

➤ Trường hợp có giá trị sử dụng nhưng không có giá trị, đó là sản phẩm, không phải là hàng hóa.



2.2. Tính hai mặt của lao động SX hàng hóa.

- **Lao động cụ thể:** là lao động có ích dưới hình thức cụ thể của nghề nghiệp, chuyên môn nhất định.



- Lao động cụ thể



Có đối tượng riêng

Có mục đích riêng

Có phương tiện riêng

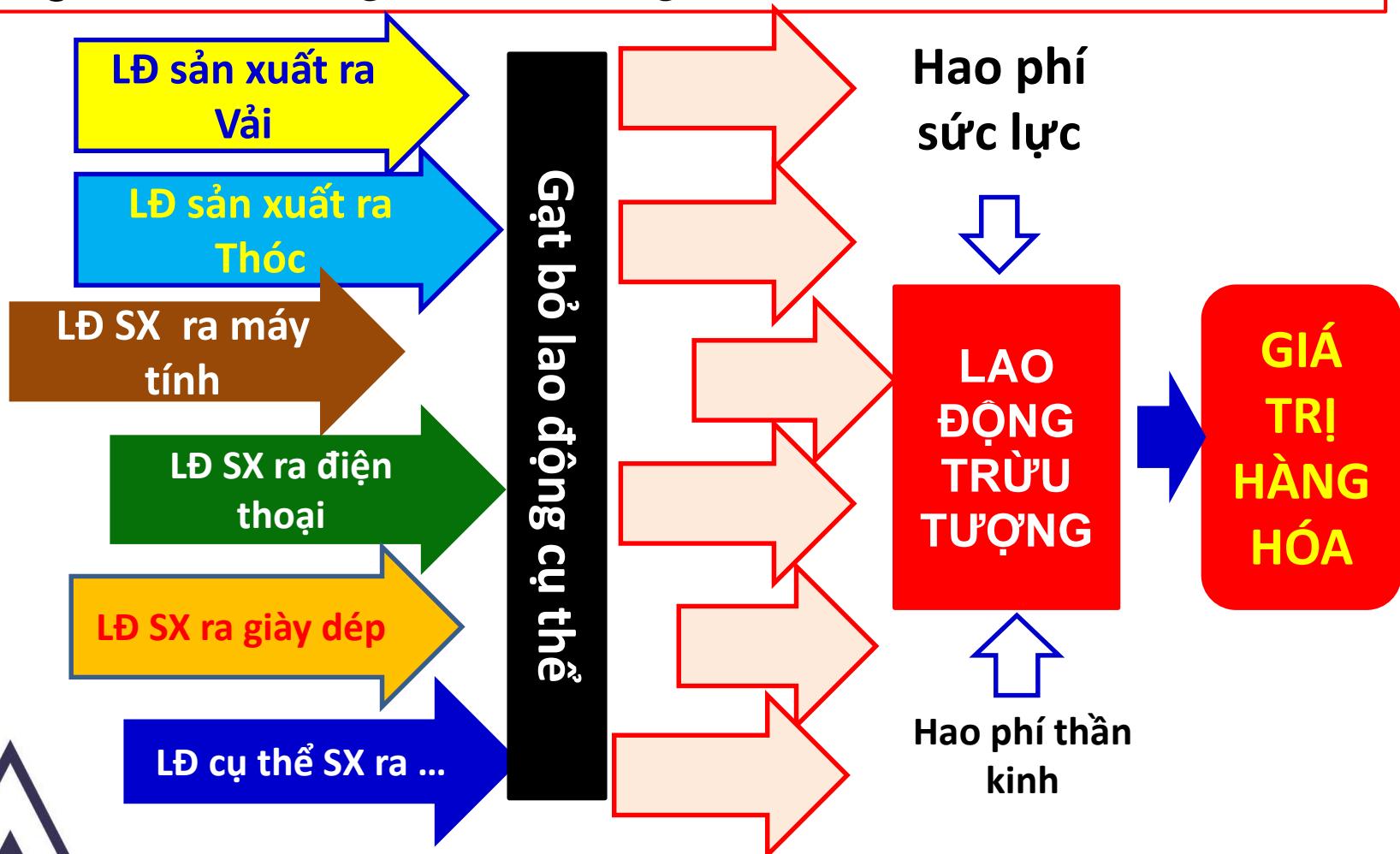
Có phương pháp riêng

Có kết quả riêng

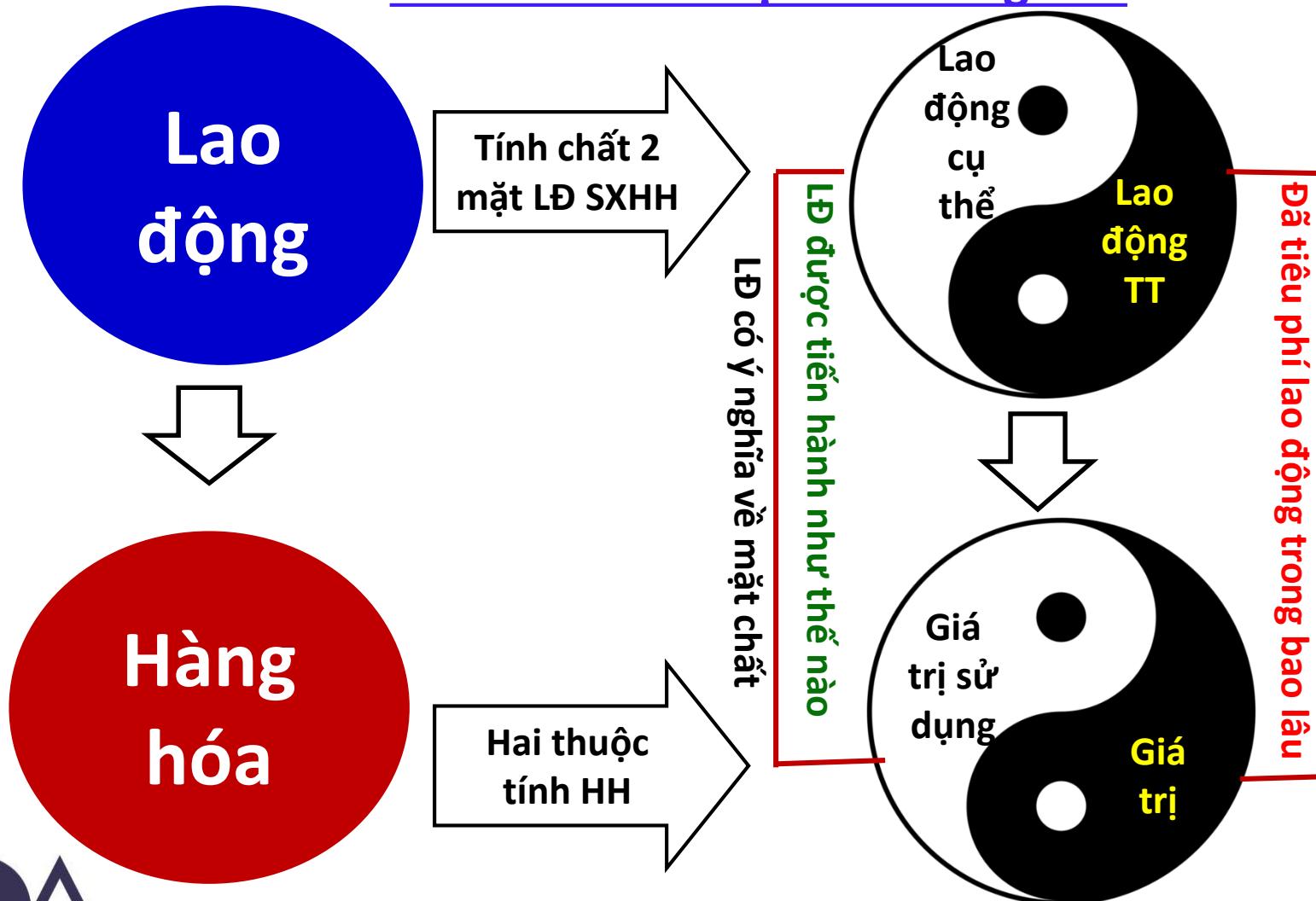
Cùng với nội dung vật chất cấu thành của sản phẩm.
Lao động cụ thể là một trong 2 yếu tố tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa.

Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.

- Lao động trừu tượng: là lao động của người sản xuất hàng hóa khi đã gạt bỏ những hình thức cụ thể của nó.



Mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động SXHH và hai thuộc tính hàng hóa



LĐ có ý nghĩa về mặt lượng

- Giá trị hàng hóa.

Lượng lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa “kết tinh” trong hàng hóa đó

Trừu tượng

Giá trị hàng hóa

Xác định giá trị

Giá cả

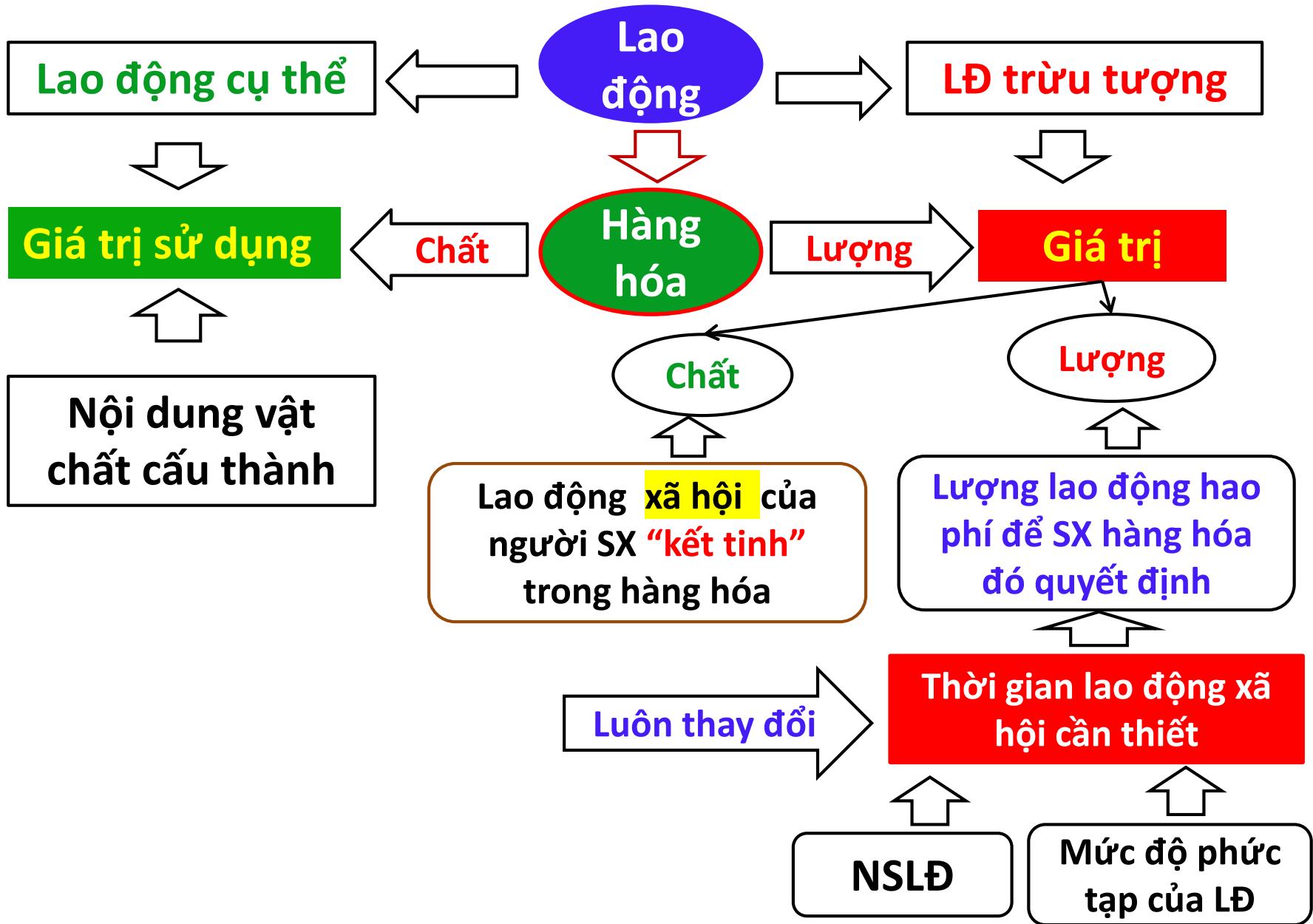
Biểu hiện bằng tiền

Trao đổi (GT trao đổi)

Bằng hiện vật

Hàng đổi hàng





1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

1.3. Tiền tệ

➤ Nguồn gốc và bản chất của tiền

Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị từ thấp đến cao.



➤ Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Hình thái giản đơn hay ngẫu nhiên.

5m
vải



=



50 kg
thóc

- Hình thái mở rộng của giá trị.

1m
vải

=

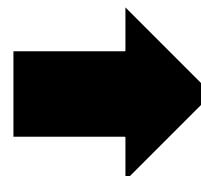
10 kg thóc

=

2 con gà

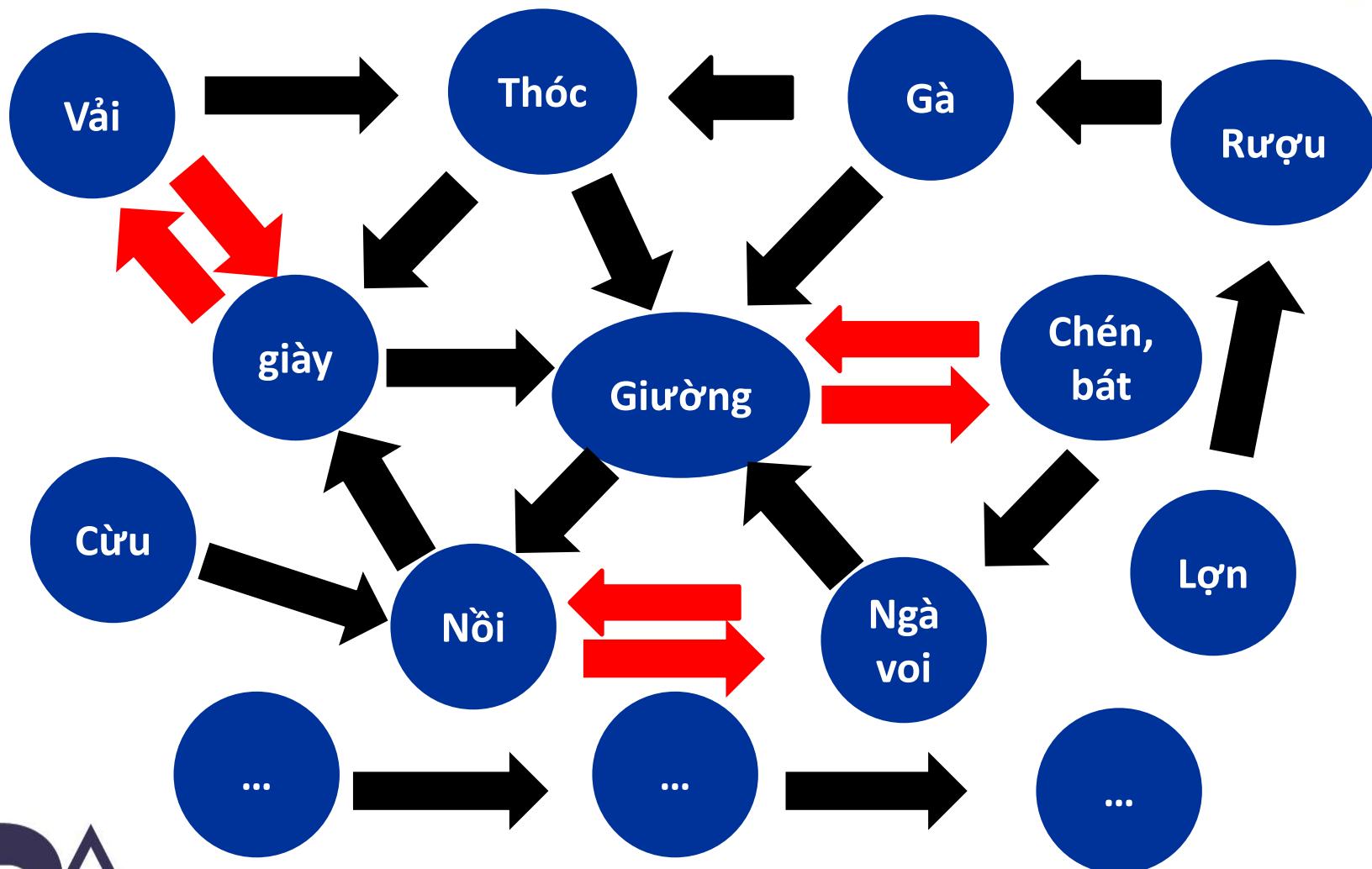
=

2 vỏ sò



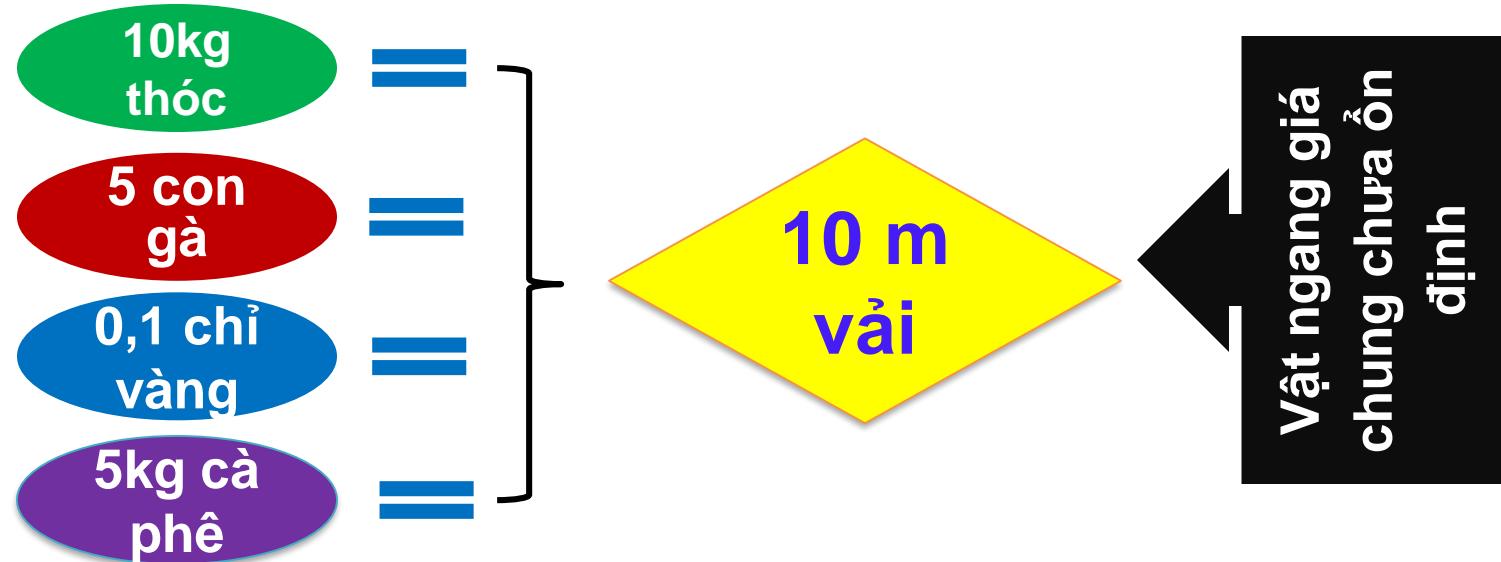
Sự trao đổi
hàng hóa bị
giới hạn

- Hình thái mở rộng của giá trị



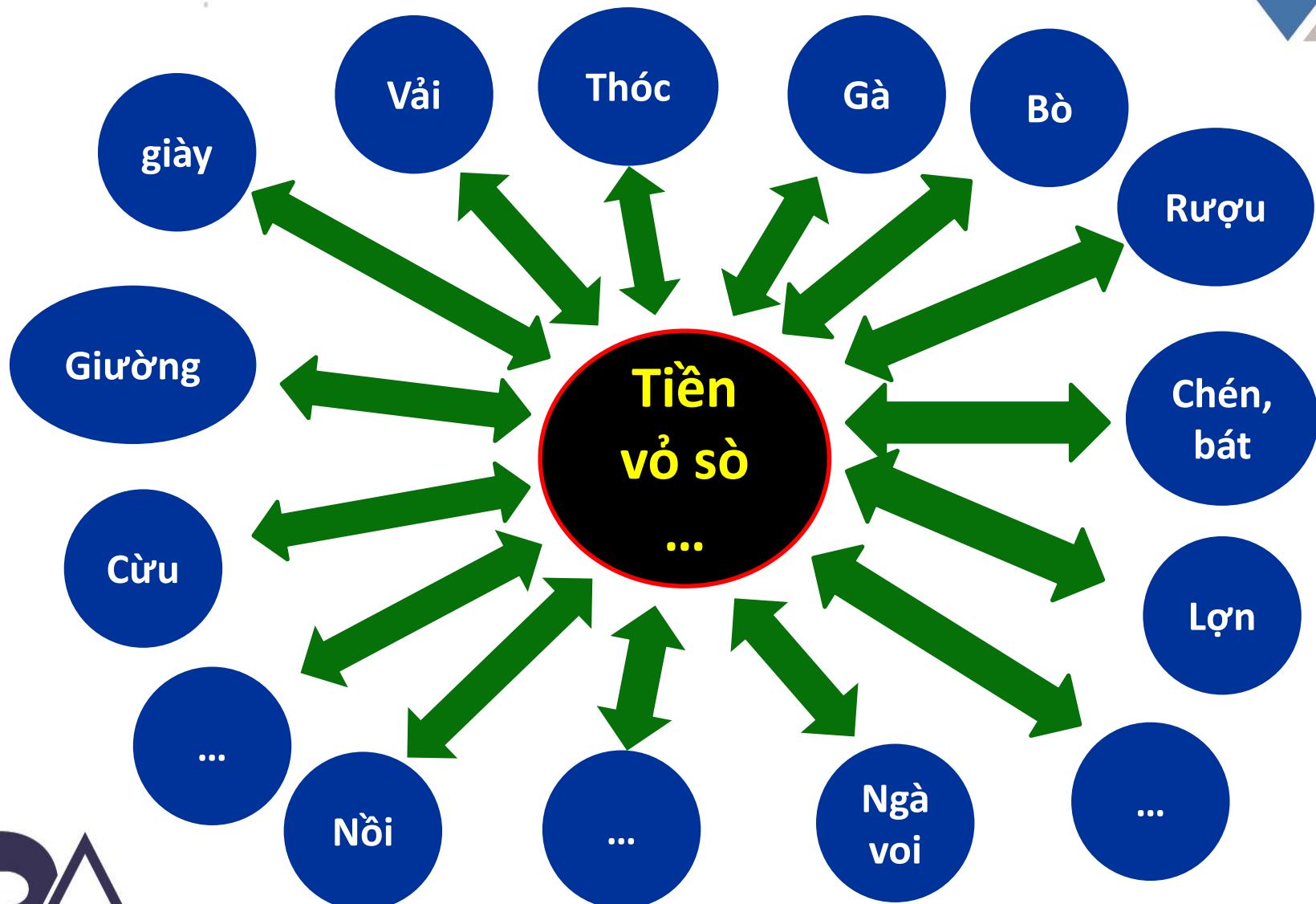
Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Hình thái chung của giá trị



Ở các địa phương khác nhau, vật ngang giá chung khác nhau: **tiền vỏ sò, tiền hạt cacao, tiền thuốc lá...**

- Hình thái mở rộng của giá trị



1.3. Tiền tệ.

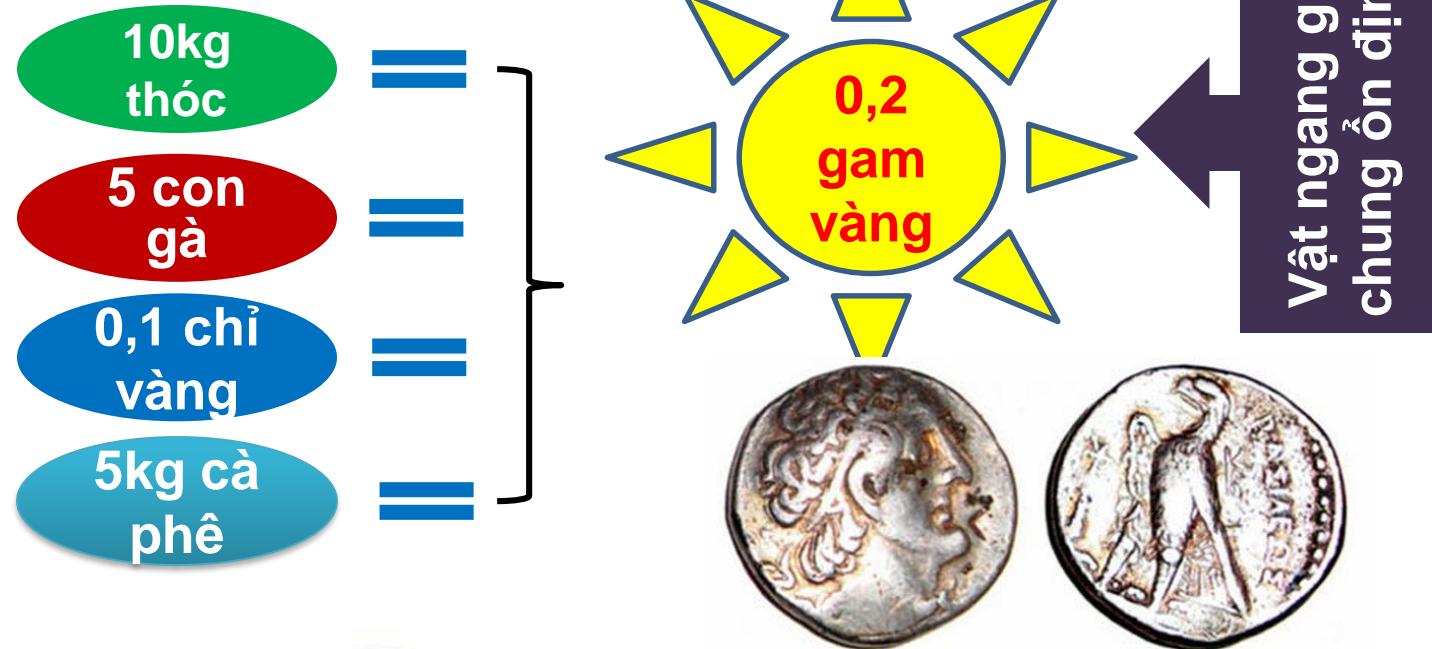
- **Tiền là bất cứ thứ gì mà con người sẵn sàng để sử dụng để đại diện một cách có hệ thống cho giá trị của những thứ khác nữa, phục vụ cho mục đích trao đổi hàng hóa và dịch vụ.**
- **Tiền giúp con người so sánh một cách nhanh nhất và dễ dàng nhất giá trị của những hàng hóa khác nhau, trao đổi dễ dàng thứ này với thứ khác và tích lũy của cải một cách thuận tiện nhất.**
- **Có nhiều dạng tiền khác nhau trước khi tiền xu ra đời: tiền vỏ sò, gia súc, da động vật, muối, ngũ cốc, vải vóc... (ở Uganda thuộc Anh, đầu thế kỷ 20, thuế vẫn được nộp dưới dạng tiền vỏ ốc)**

1.3. Tiền tệ.

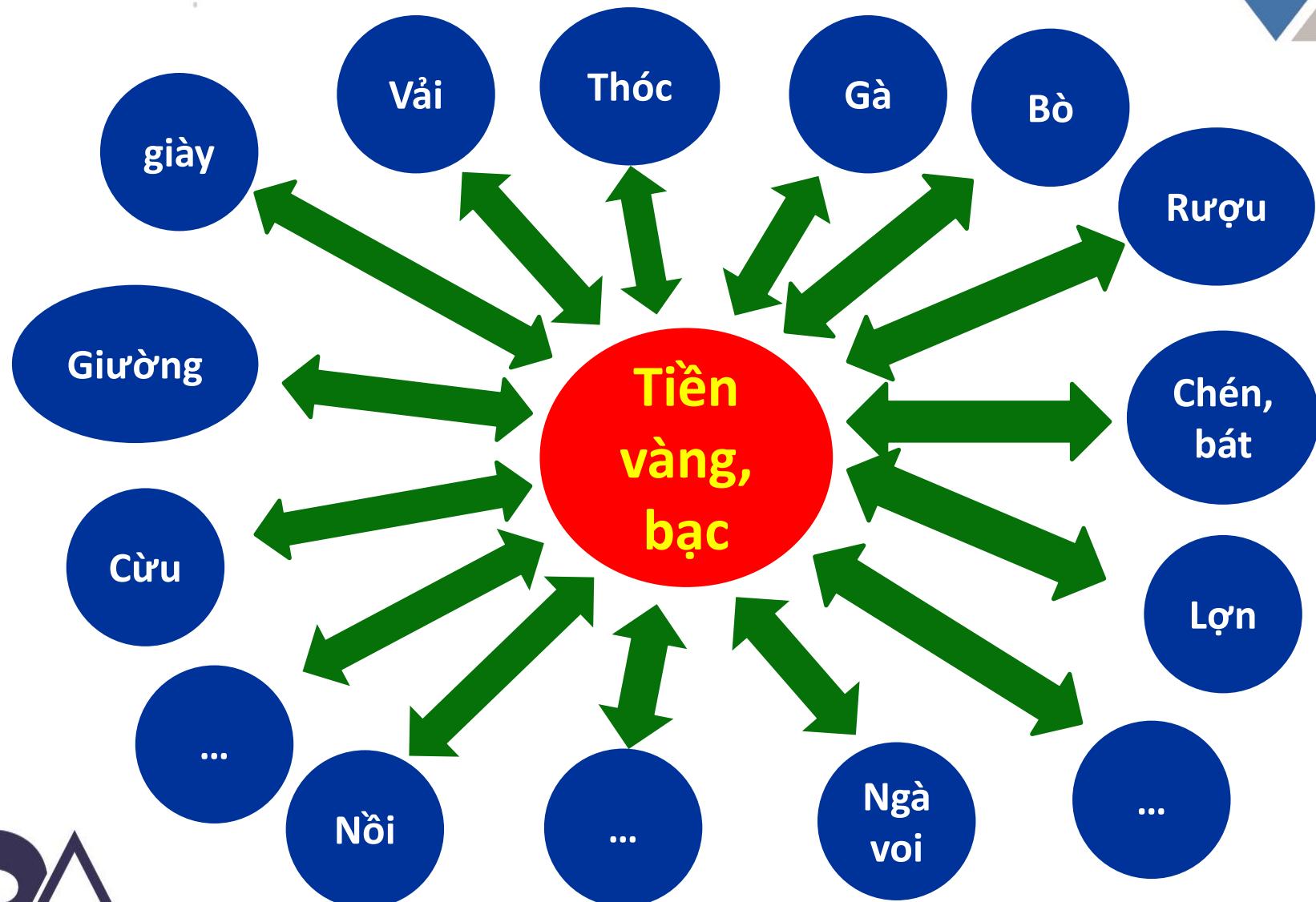
- Trong các nhà tù hiện đại và các tù binh chiến tranh, thuốc lá thường được sử dụng thay cho tiền: giá trị của tất cả mọi thứ đều quy ra thuốc lá. Trong tại tập trung Auschiwitz: 1 ổ bánh mì = 12 điếu, 1 gói bơ thực vật 300gr = 30 điếu, một chiếc đồng hồ từ 80-200 điếu, 1 lít rượu giá 400 điếu ⁽⁶⁾
- Trong nền kinh tế ngày nay, những đồng giấy bạc và tiền kim loại cũng là dạng hiếm của tiền. Năm 2006, tổng lượng tiền trên thế giới ước khoảng 473 nghìn tỷ USD, nhưng tổng lượng tiền kim loại và giấy bạc chỉ chưa đến 47 nghìn tỷ USD. **Hơn 90% lượng tiền – hơn 400 nghìn tỷ USD trong các tài khoản của chúng ta – chỉ tồn tại trên các máy chủ máy tính.** Theo đó hầu hết những giao dịch kinh doanh đều được tiến hành bằng việc chuyển dữ liệu điện tử từ 1 file máy tính này sang 1 file máy tính khác mà không có bất kỳ sự trao đổi tiền mặt vật lý nào ⁽⁶⁾.

Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Hình thái tiền tệ.



- Hình thái tiền tệ





Tại sao phải là vàng và bạc?

“Nhu cầu về các loại kim khí quý một phần là do sự hữu ích của chúng, một phần là do vẻ đẹp tuyệt vời của chúng dùng làm đồ trang sức. Trừ sắt ra, các kim loại quý này còn có nhiều lợi ích hơn bất kỳ kim loại nào khác. Vì các kim loại này ít bị han rỉ và rất tinh khiết, có thể dễ dàng giữ cho chúng được sạch sẽ. Các thứ đồ dùng làm bằng vàng bạc đặt trên bàn ăn hay trong nhà bếp được xem là vừa đẹp mắt vừa trang nhã và sạch sẽ hơn những thứ làm bằng đồng hay bằng thiếc. Giá trị chủ yếu của vàng, bạc là do chúng đẹp, trang nhã rất hợp với việc trang trí các quần áo và đồ dung nội thất. Dát vàng làm đồ trang trí nổi bật lên hơn nhiều so với sơn hay nhuộm. Giá trị của vàng, bạc tăng gấp đôi vì chúng là kim loại hiếm” [2;tr199]



Tại sao phải là vàng và bạc?

“Đối với những người giàu có, không gì làm cho họ sung sướng hơn là phô bày những đồ đạc tiêu biểu cho sự giàu sang, sung túc mà chỉ riêng họ có được. Theo con mắt đánh giá của người giàu sang phú quý, giá trị của một đồ vật, dù nó có ích hay đẹp đến mức nào đi chăng nữa, còn phải là một đồ vật hiếm có và phải do nhiều công sức để thu thập hoặc làm ra nó, và trừ họ ra thì không người nào khác có thể mua nổi đồ vật đó. Người giàu thích mua các đồ quý hiếm, ít người có hơn là đồ đẹp và có ích nhưng thông thường ai cũng có thể có được. **Vậy, tính hữu ích, sự đẹp đẽ trang nhã và sự khan hiếm ít ai có là những nét cơ bản tạo nên giá cao của các kim loại quý .”** [2;tr199]



Tại sao phải là vàng và bạc?



- **Tiền là phương tiện trao đổi phổ quát nhất và hiệu quả nhất của sự tin cậy lẫn nhau từng được phát minh ra.**
- Chúng ta có thể khác nhau về **ngôn ngữ, tín ngưỡng, văn hóa...** có thể bất đồng nhưng tất cả có niềm tin chung về tiền. Nếu không có niềm tin chung này, mạng lưới giao thương toàn cầu không hoạt động được.

Tại sao phải là vàng và bạc?

“Những người dân nghèo ở Cuba và St. Domingo, khi họ được người Tây Ban Nha lần đầu tiên phát hiện ra, có thói quen đeo những mảnh vàng như đồ trang điểm trên tóc và quần áo. Họ coi chúng như chúng ta coi một vài thứ đá quý có màu sắc và hình dáng đẹp, và họ không từ chối bất cứ người nào muốn xin các mảnh vàng đó. Họ sẵn sàng làm quà biếu cho các vị khách mời quen biết theo yêu cầu của những người đó mà chẳng hề suy nghĩ rằng họ biếu cho các vị khách đó một món quà rất giá trị. Họ tỏ ra ngạc nhiên khi nhận thấy sự vui mừng quá đỗi của người Tây Ban Nha nhận các mảnh vàng đó. Họ cũng chẳng hề biết rằng có những nước mà ở đó thừa thãi lương thực, mà đối với họ là rất khan hiếm, rằng chỉ một số lượng rất nhỏ các đồ trang sức lòe loẹt, rẻ tiền theo suy nghĩ của họ có thể đổi lấy rất nhiều lương thực có thể nuôi sống gia đình họ trong nhiều năm [2;tr201]

1.3. Tiền tệ

Trong hàng ngàn năm, các triết gia, nhà tư tưởng, nhà tôn giáo... đã đổ lỗi cho đồng tiền và gọi nó là cội rễ của mọi điều xấu xa. **Dù thế nào đi nữa tiền vẫn là đỉnh cao của lòng khoan dung của loài người. Tiền có cái nhìn cởi mở hơn so với ngôn ngữ, luật pháp, văn hóa, tín ngưỡng và các thói quen xã hội...** Nhờ có tiền những con người không biết nhau và không tin tưởng vào nhau có thể hợp tác hiệu quả.

Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Bản chất của tiền.



Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt, được tách ra từ thế giới hàng hóa làm vật ngang giá chung trong tất cả các hàng hóa đem trao đổi.

- Bản chất của tiền.

Khi tiền tệ ra đời, thế giới hàng hóa chia làm 2 cực.
Một cực là tất cả những hàng hóa thông thường, một
cực là thứ hàng hóa đóng vai trò tiền tệ.

❖ Hai tư cách của vàng, bạc

Hàng hóa thông thường

GTSD: làm đồ trang sức,
nguyên liệu nhiều ngành
khác

Giá trị: do lượng lao động
xã hội cần thiết để sản xuất
ra vàng quy định

Hàng hóa đặc biệt

GTSD: vật ngang giá
chung trong trao đổi

Giá trị: mang hình thái
giá trị xã hội trực tiếp, giá
trị của nó được biểu hiện
tất cả các hàng hóa

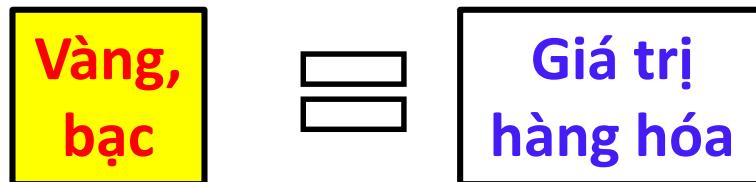
1.3. Tiền tệ

- **Chức năng của tiền tệ**
- Thước đo giá trị
- Phương tiện lưu thông.
- Phương tiện cất trữ.
- Phương tiện thanh toán
- Tiền tệ thế giới.



❖ Thước đo giá trị.

“Vàng bạc là tiền nhưng tiền chưa hẳn là vàng bạc”.



1. Khi vàng, bạc khai thác tăng mà sản lượng hàng hóa không tăng, thì hàng hóa ngày càng rẻ đi.
2. Khi vàng bạc không đổi mà sản lượng hàng hóa tăng thì giá cả hàng hóa giảm.
3. Khi vàng bạc tăng và sản lượng hàng hóa cũng tăng cùng tỷ lệ với tỷ lệ tăng của vàng bạc thì giá cả không đổi.
4. Khi vàng bạc tăng và sản lượng hàng hóa tăng nhanh hơn tốc độ tăng của khai thác vàng bạc thì hàng hóa ngày càng rẻ hơn hay với một tỷ lệ vàng bạc ngày càng đổi được nhiều hàng hóa hơn.

➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

1. USD



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

2.
Euro



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

3.
Bảng



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

4. Yên



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

5.
RMB



❖ Tiền mật mã (cryptocurrency) Bitcoin

Bitcoin là loại tiền mã hóa, được phát minh bởi Satoshi Nakamoto dưới dạng phần mềm mã nguồn mở từ năm 2009. **Bitcoin có thể được trao đổi trực tiếp bằng kết nối internet mà không cần thông qua tổ chức tài chính trung gian nào**



Satoshi Nakamoto tạo ra chỉ 21 triệu Bitcoin được lưu hành vào năm 2140. Người ta có thể tham gia đào Bitcoin bằng hệ thống máy tính . **Để sở hữu Bitcoin bạn có thể tham gia đào Bitcoin hoặc mua bán nó trên thị trường**



❖ Tiền mật mã (cryptocurrency) Bitcoin

Các thợ đào thường sẽ tham gia vào các mỏ đào lớn để tập hợp những khả năng tính toán của máy đào thành viên trong mỏ đó nhằm tăng xác suất thu được Bitcoin. Việc đào mỏ đã tạo ra một loạt công nghệ chuyên biệt để đào Bitcoin



Bitcoin được xem như vàng 2.0: Đáng giá, lưu thông, dự trữ, thanh toán. Ngoài những yếu tố như tiền pháp định. Bitcoin còn có thêm những ưu điểm: không có ngân hàng TW nên ko có lạm phát, không bị làm giả, không cần qua trung gian. Không thể tạo Bitcoin nhưng có thể khai thác như vàng...



❖ Tiền mật mã (cryptocurrency)

Giá Bitcoin ngày 11/09/2019: 10.059 USD = 1 BTC



RIPPLE (XRP)
RIPPIE (XRP)



ETHEREUM (ETH)



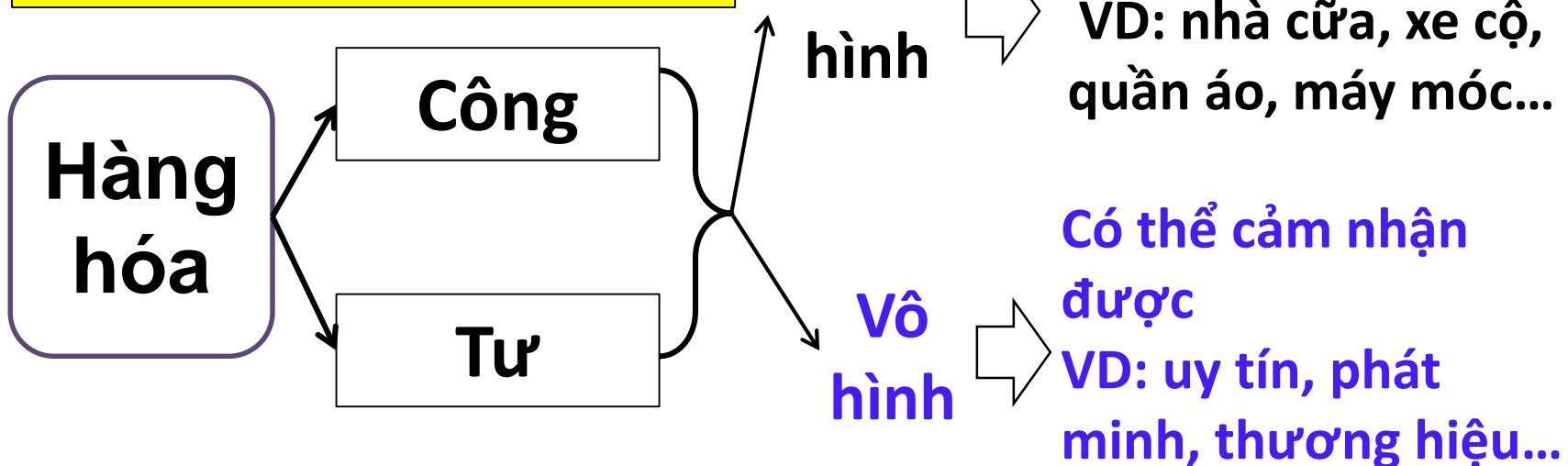
LITECOIN (LTC)



MORENO (XMR)

❖ LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

1.4. Phân loại hàng hóa



❖ **HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA
CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

2.1. Thị trường.

- **Theo nghĩa hẹp:** thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể với nhau.



Sự hình thành thị trường đòi hỏi phải có:

Đối tượng trao đổi, mua bán: hàng hóa, dịch vụ

Đối tượng tham gia trao đổi: bên bán và bên mua

Điều kiện thực hiện trao đổi: khả năng thanh toán

2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường

- **Theo nghĩa rộng:** thị trường là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.



Như vậy, điều quan tâm nhất của bên bán là tìm ra **NOI** trao đổi, tìm nhu cầu và khả năng thanh toán của các sản phẩm, dịch vụ mà nhà sản xuất dự định cung ứng hay không. Còn đối với bên mua, họ lại **quan tâm** tới việc so sánh những sản phẩm dịch vụ mà bên bán thỏa mãn đúng yêu cầu và thích hợp với khả năng thanh toán của mình đến đâu.

❖ Phân chia thị trường



2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường

➤ Vai trò của thị trường

(1). Thị trường là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển



Thị trường là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, vì vậy thị trường có vai trò thông tin, định hướng cho mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh



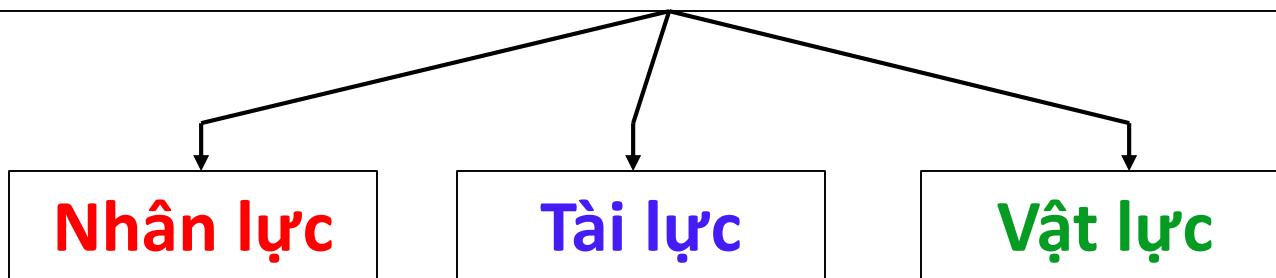
Giá cả thị trường có vai trò thông tin rất quan trọng cho người cung ứng.

➤ Vai trò của thị trường

(2). Thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế



Thị trường phân bổ nguồn lực hiệu quả



➤ Vai trò của thị trường

**(3). Thị trường gắn kết
nền kinh tế quốc gia
với nền kinh tế thế
giới.**



2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.

➤ **Cơ chế thị trường:** là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế

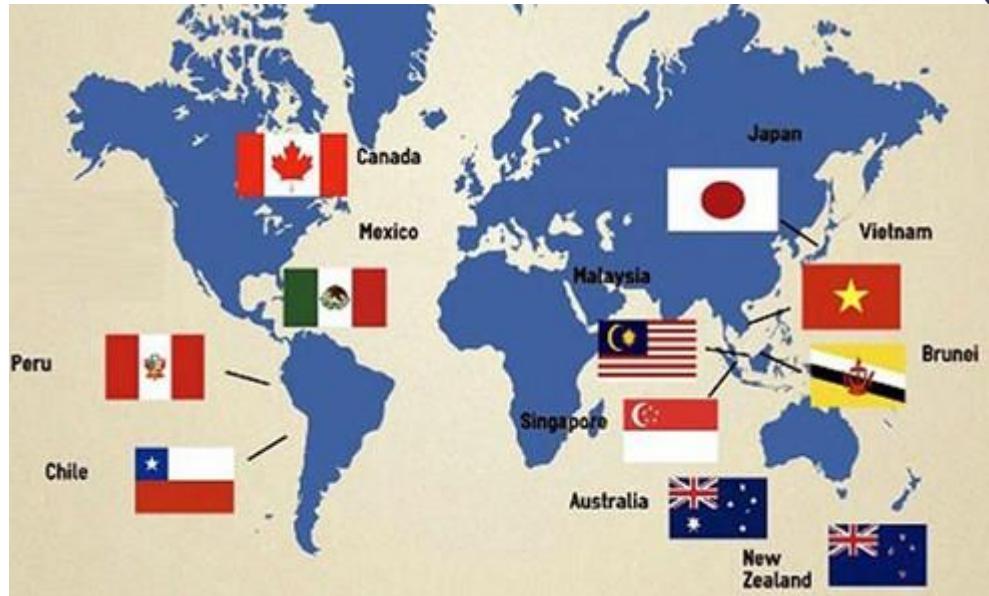


Dấu hiệu đặc trưng của cơ chế thị trường là cơ chế hình thành giá cả do thị trường quyết định.



2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.

➤ **Nền kinh tế thị trường:** là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai, giá cả bao nhiêu do thị trường quyết định.



Sự hình thành kinh tế thị trường là khách quan. Kinh tế thị trường phát triển từ thấp đến cao từ sơ khai đến hiện đại. Kinh tế thị trường là thành tựu chung của nhân loại.

❖ Đặc trưng của kinh tế thị trường

Đặc trưng

Nhiều chủ thể tham gia, nhiều hình thức sở hữu, các chủ thể bình đẳng trước pháp luật

Thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận

Giá cả do thị trường quyết định

Lợi nhuận là động lực của các chủ thể kinh doanh

Nhà nước thực hiện khắc phục những khuyết tật của thị trường.

Thị trường gắn với nền kinh tế mở.

❖ **Ưu thế và khuyết tật của kinh tế thị trường**

**Ưu
thế:**

Tạo ra động lực mạnh mẽ cho các chủ thể kinh tế

Luôn phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của mọi chủ thể...

Luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội



❖ Ưu thế và khuyết tật của kinh tế thị trường

**Khuyết
tật**

Luôn tìm ẩn rủi
ro khủng hoảng

Tài nguyên cạn
kiệt, suy thoái
môi trường tự
nhiên và xã hội

Không khắc
phục được sự
phân hóa sâu
sắc trong xã hội



2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

2.1.3. Một số quy luật chủ yếu của thị trường.

➤ Quy luật giá trị.



Nội dung: việc sản xuất và trao đổi hàng hóa giản đơn phải được tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết

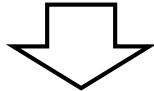


Giá trị = hao phí lao động XH cần thiết

2.1.3. Một số quy luật chủ yếu của thị trường.

➤ Quy luật cung – cầu

Cung

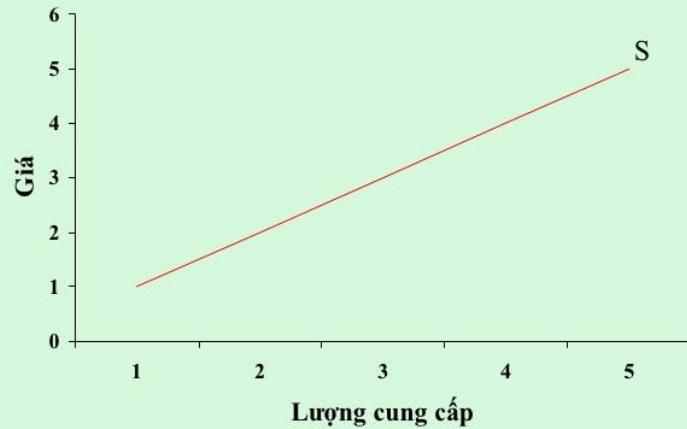


Cung là **số lượng** hàng hóa, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức **giá** khác nhau trong một thời gian nhất định



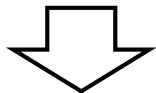
Cung bao gồm khả năng và ý muốn sẵn sàng bán

Đường cung



❖ Quy luật cung – cầu

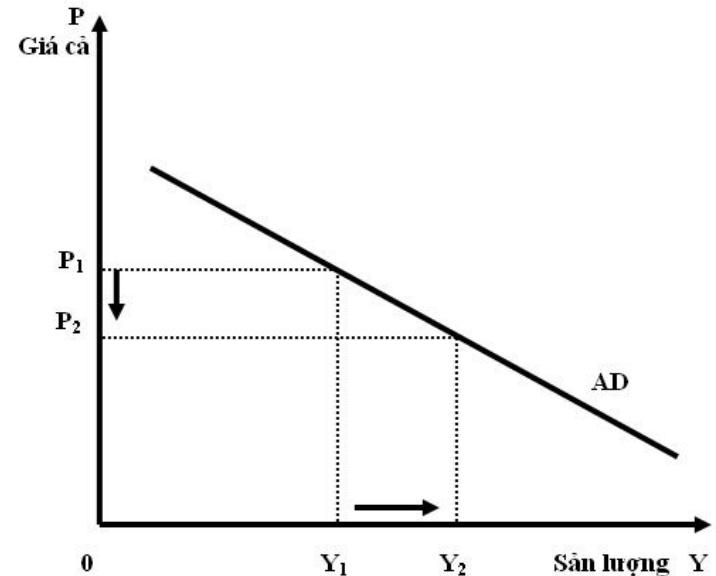
Cầu



Cầu là **số lượng** hàng hóa, dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua ở các mức **giá** khác nhau trong một thời gian nhất định



Cầu bao gồm khả năng và ý muốn sẵn sàng mua



Cầu \neq nhu cầu

❖ Quy luật cung – cầu

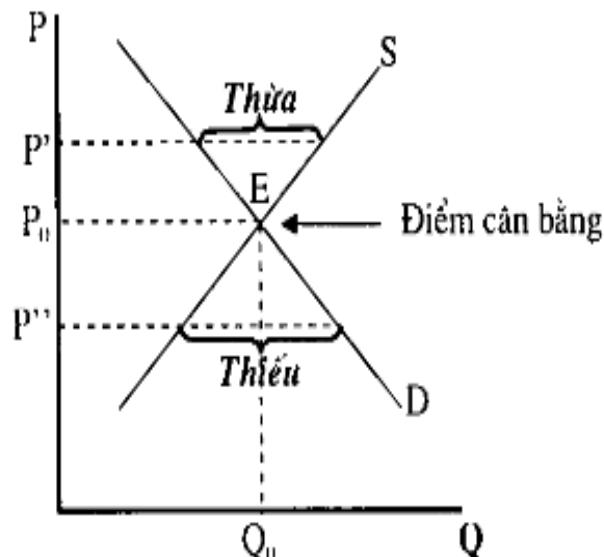
Quy luật cung – cầu tác động lẫn nhau ảnh hưởng đến giá cả.



Cung = cầu: giá cả = giá trị
Cung > cầu: giá cả < giá trị
Cung < cầu: giá cả > giá trị



Điều tiết quan hệ sản xuất và lưu thông hàng hóa.



2.1.3. Một số quy luật chủ yếu của thị trường.

➤ Quy luật lưu thông tiền tệ

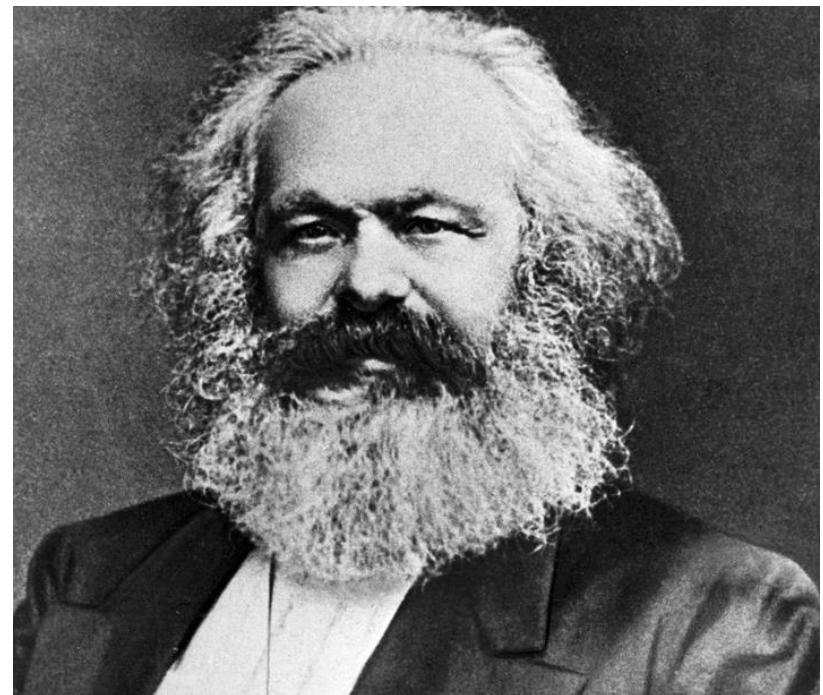
$$M = \frac{P \cdot Q}{V}$$

M: số lượng tiền cần thiết trong lưu thông

P: là mức giá cả

Q: Khối lượng hàng hóa dịch vụ đưa ra lưu thông

V: số vòng lưu thông của đồng tiền



Thanh toán không dùng tiền mặt phát triển

$$M = \frac{P \cdot Q - (G1 + G2) + G3}{V}$$

2.1.3. Một số quy luật chủ yếu của thị trường.

➤ Quy luật cạnh tranh



Cạnh tranh là sự ganh đua giữa những chủ thể kinh tế với nhau nhằm có được những ưu thế về sản xuất cũng như tiêu thụ và thông qua đó thu được lợi ích tối đa

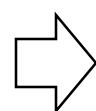
Là cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh trong cùng 1 ngành, cùng SX một loại hàng hóa, nhằm giành được lợi thế sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Cạnh tranh

Cạnh tranh trong nội bộ ngành



Cạnh tranh giữa các ngành



Cạnh tranh giữa các chủ thể các ngành khác nhau, nhằm tìm nơi đầu tư có lợi nhất.



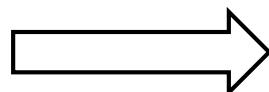
❖ Cạnh tranh trong nội bộ ngành

Biện pháp cạnh tranh: các doanh nghiệp ra sức cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ thấp giá trị cá biệt của hàng hóa...



Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành là hình thành giá trị thị trường (giá trị xã hội) của từng loại hàng hóa

Giá trị thị trường



Giá cả thị trường



Series 3

❖ Cạnh tranh trong nội bộ ngành



Audi



Dòng A4



Mercedes-Benz



Dòng C



Series 5



Dòng A6



Dòng E

❖ Cạnh tranh trong nội bộ ngàn L



Series 7



Audi



Dòng A8



Mercedes-Benz



Dòng S



X3

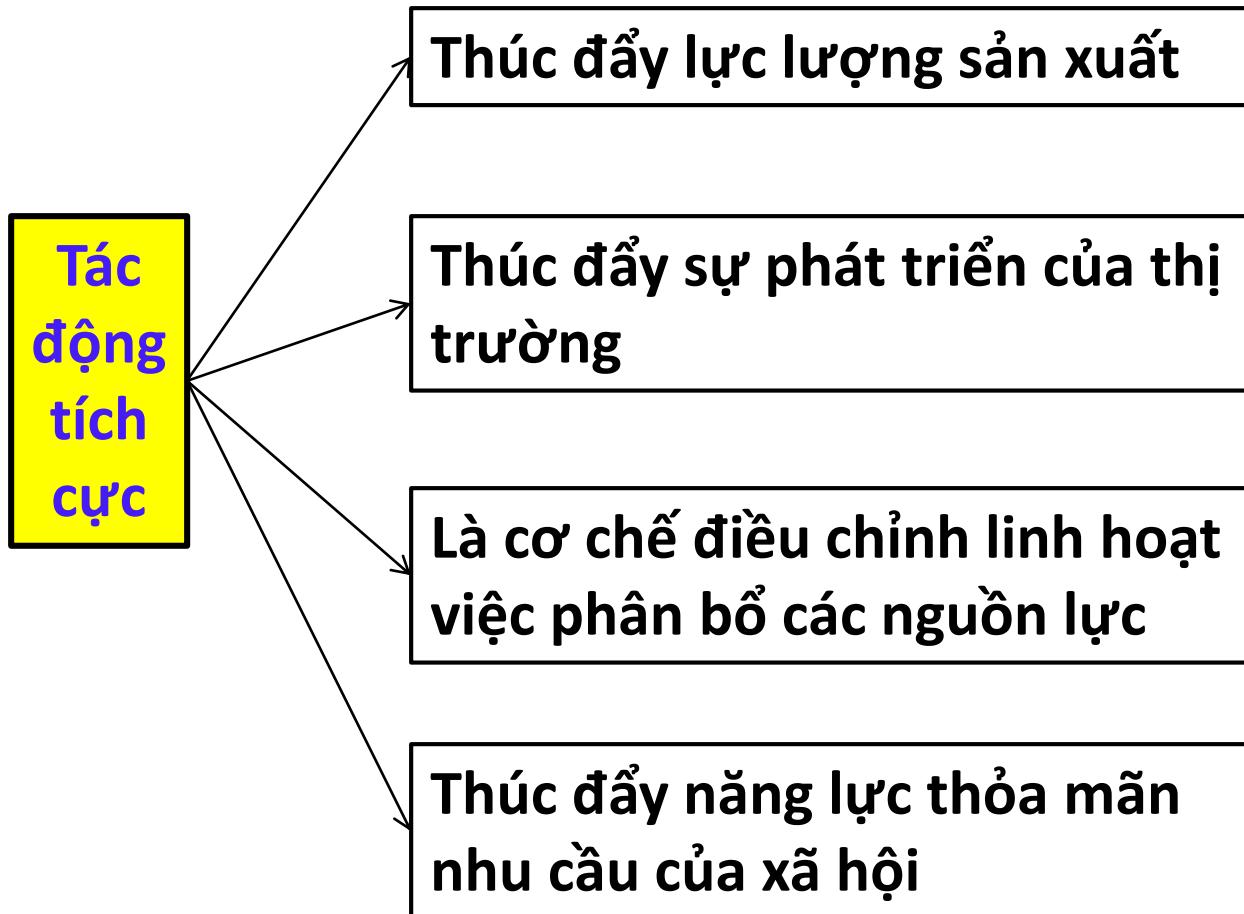


Q5



GLC

❖ Tác động của cạnh tranh.



❖ Tác động của cạnh tranh.

**Tác
động
tiêu
cực**

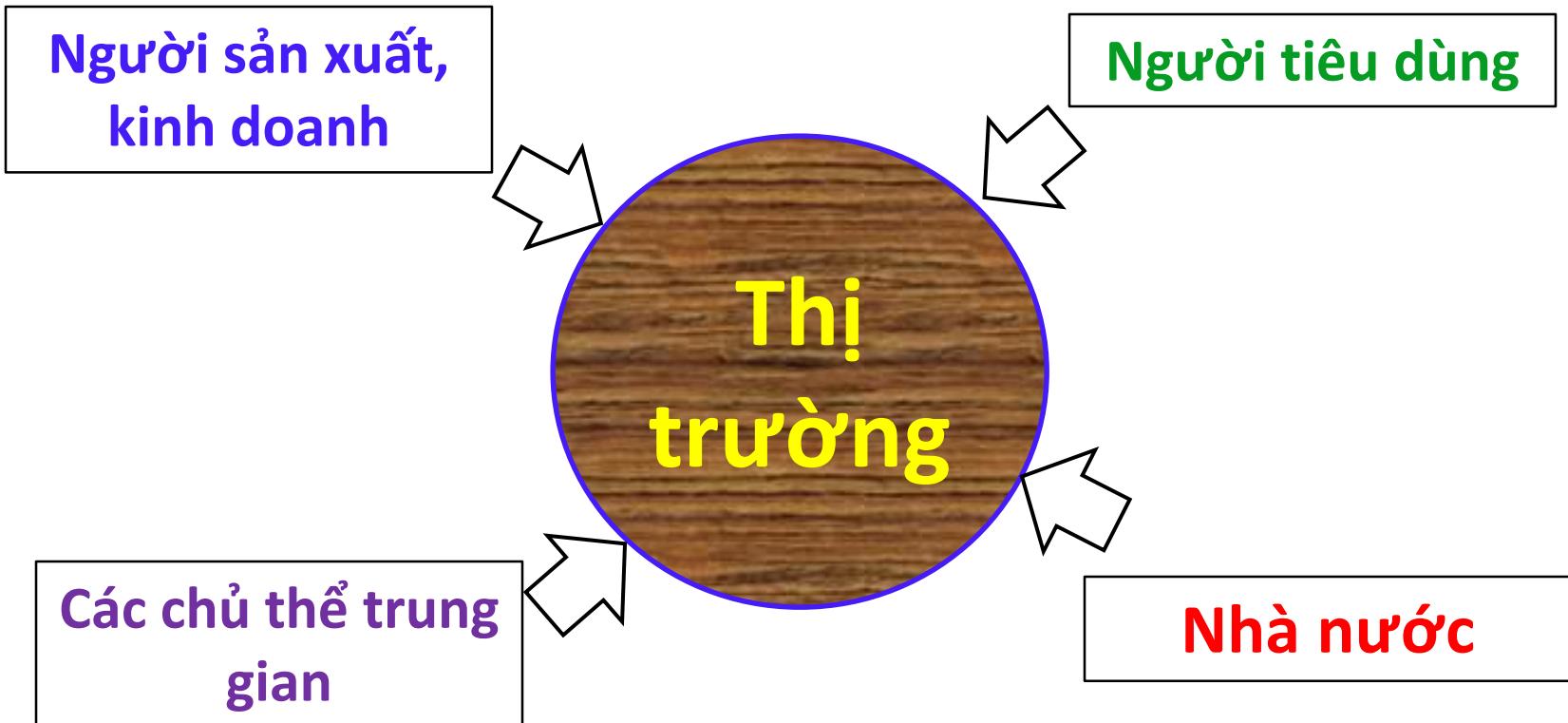
Gây tổn hại môi trường kinh doanh nếu
cạnh tranh không lành mạnh

Cạnh tranh không lành mạnh gây lãnh
phi nguồn lực xã hội

Cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại
phúc lợi xã hội

❖ **HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA
CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường



**CHÂN THÀNH
CẢM ƠN!**